

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU

MÃ TRÁI PHIẾU VJCH2328031

vietjetair.com

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG VIETJET

(được thành lập và hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo

Luật Doanh nghiệp)

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102325399 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2007, được sửa đổi lần thứ 30 ngày 19 tháng 04 năm 2023)

TRÁI PHIẾU 300 TỶ ĐỒNG ĐÁO HẠN NĂM 2028

Trái phiếu bằng Đồng Việt Nam, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản đảm bảo, phát hành riêng lẻ theo quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ ra thị trường quốc tế; Nghị định 65/2022/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 16 tháng 09 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ ra thị trường quốc tế; Nghị định 08/2023/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 05 tháng 03 năm 2023 sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, đáo hạn vào năm **2028** (“**Trái Phiếu**”) sẽ xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp và không phải là nợ thứ cấp của Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet (“**VJC**” hoặc “**Tổ Chức Phát Hành**” hoặc “**Công ty**”).

Lãi trên Trái Phiếu sẽ được thanh toán sau, trong đó lãi của các kỳ thanh toán sẽ được thanh toán sau mỗi 6 tháng. Trừ khi trái phiếu được mua lại trước hạn, tiền gốc Trái Phiếu sẽ được thanh toán gốc vào Ngày Đáo Hạn.

Các nhà đầu tư tiềm năng xin xem phần “*Các Nhân Tố Rủi Ro*” để biết về một số yếu tố cần cân nhắc khi đầu tư vào Trái Phiếu.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY VÀ NỘI DUNG TRONG ĐÓ HOẶC BẤT KỲ THÔNG TIN NÀO ĐƯỢC CUNG CẤP THEO YÊU CẦU PHẢI ĐƯỢC GIỮ BÍ MẬT HOÀN TOÀN.

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| PHẦN I..... | 4 |
| TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU | 4 |
| I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP | 4 |
| II. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN | 4 |
| PHẦN II..... | 8 |
| THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU | 8 |
| I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU | 8 |
| II. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH | 9 |
| 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển: | 9 |
| 2. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp | 15 |
| 3. Thông tin về Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc: | 23 |
| 4. Tóm tắt hoạt động kinh doanh chính và các dự án chính đã/đang triển khai của doanh nghiệp phát hành. | 45 |
| 5. Chính sách cổ tức..... | 54 |
| 6. Tình hình tài chính..... | 55 |
| III. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU | 78 |
| 1. Căn cứ pháp lý của đợt phát hành..... | 78 |
| 2. Việc đáp ứng các điều kiện phát hành trái phiếu của doanh nghiệp..... | 78 |
| 3. Mục đích của đợt phát hành trái phiếu | 80 |
| 4. Điều kiện, điều khoản của trái phiếu, cụ thể: | 80 |
| 5. Ngày phát hành dự kiến: ngày 27 tháng 12 năm 2023..... | 80 |
| 6. Phương thức phát hành | 80 |
| 7. Quyền lợi của nhà đầu tư trái phiếu..... | 80 |
| 8. Trách nhiệm của nhà đầu tư mua Trái phiếu..... | 81 |
| 9. Phương thức thực hiện quyền | 81 |
| 10. Cam kết về bảo đảm | 81 |
| 11. Điều kiện, điều khoản về việc mua lại Trái phiếu trước hạn | 81 |
| 12. Cam kết của doanh nghiệp phát hành trái phiếu | 82 |
| 13. Cam kết công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành | 82 |
| 14. Điều khoản về đăng ký, lưu ký trái phiếu | 82 |
| 15. Điều khoản về giao dịch trái phiếu | 82 |
| 16. Quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành | 83 |
| 17. Trách nhiệm và nghĩa vụ của từng tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ liên quan đến việc phát hành trái phiếu | 83 |

| | |
|--|----|
| 18. Nhà đầu tư mua trái phiếu thừa nhận và cam kết rằng nhà đầu tư đã tự đánh giá mức độ rủi ro trong việc đầu tư trái phiếu, về giao dịch của trái phiếu được đầu tư, tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư và tự chịu các rủi ro phát sinh trong việc đầu tư giao dịch trái phiếu của mình; đồng thời bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan khi thực hiện đầu tư vào trái phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn các quy định về đối tượng được đầu tư trái phiếu và các hạn chế khi đầu tư vào trái phiếu và của trái phiếu được đầu tư..... | 83 |
| 19. Kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu năm 2023 | 83 |
| 20. Các điều khoản và điều kiện khác | 84 |
| IV. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH VÀ KẾ HOẠCH THANH TOÁN GỐC LÃI CHO NHÀ ĐẦU TƯ | 84 |
| 1. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu..... | 84 |
| 2. Phương thức, kế hoạch, dự kiến dòng tiền thanh toán gốc cho nhà đầu tư..... | 84 |
| V. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN | 86 |
| VI. CÁC RỦI RO CÓ THỂ XẢY RA LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU | 88 |
| PHẦN III. PHỤ LỤC | 91 |
| 1. Phụ lục I: | 91 |
| 2. Phụ lục II: Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty..... | 91 |
| 3. Phụ lục III: Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2020; báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2021; báo cáo tài chính được kiểm toán 2022..... | 91 |
| 4. Phụ lục IV: Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số ...-23/VJC-HĐQT-NQ ngày ... tháng ... năm 2023 thông qua Phương án phát hành Trái phiếu riêng lẻ (<i>bao gồm Phương Án Phát Hành Trái phiếu đính kèm Nghị quyết</i>) và Nghị quyết số-23/VJC-HĐQT-NQ ngày .../11/2023 của HĐQT thông qua điều chỉnh thông tin lãi suất..... | 91 |
| 5. Phụ lục V: Điều khoản điều kiện trái phiếu chi tiết..... | 91 |
| 6. Phụ lục VI: Hợp đồng tư vấn phát hành, Hợp đồng đại lý phát hành, Hợp đồng Đại lý lưu ký và quản lý chuyển nhượng trái phiếu, Hợp đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu. | 91 |
| 7. Phụ lục VII: Cam kết của Tổ Chức Phát Hành về việc thanh toán đầy đủ gốc lãi Trái phiếu trong vòng 03 năm liền kể trước đợt chào bán. | 91 |

**CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ TẠI THỊ TRƯỜNG
TRONG NƯỚC**

DOANH NGHIỆP: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG VIETJET

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102325399 do Sở KH&ĐT Tp. Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2007, được sửa đổi 30 ngày 19 tháng 04 năm 2023)

PHẦN I

TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

- 1. Tên doanh nghiệp phát hành:** Công Ty Cổ phần Hàng không Vietjet
- 2. Địa chỉ trụ sở chính:** 302/3 phố Kim Mã, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- 3. Số điện thoại:** 024471086668 **Fax:** 02437281838
- 4. Website:** www.vietjetair.com **Email:** info@vietjetair.com
- 5. Loại hình doanh nghiệp:** Công ty cổ phần đại chúng.
- 6. Lĩnh vực hoạt động chính:** cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách và vận chuyển hàng hóa trên các tuyến đường bay nội địa và quốc tế và các hoạt động hỗ trợ liên quan và mua bán tàu bay và các bộ phận tàu bay.
- 7. Số tài khoản nhận tiền mua trái phiếu của đợt chào bán:** 068704070189187 mở tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh – Chi nhánh Trung Tâm Kinh Doanh

II. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

- 1. Mã trái phiếu:** VJCH2328031
- 2. Tổng số lượng trái phiếu phát hành:** 3.000 (Ba nghìn) trái phiếu
- 3. Khối lượng phát hành:** 300.000.000.000 VNĐ (Ba trăm tỷ đồng).
- 4. Loại hình Trái phiếu:** Trái phiếu doanh nghiệp thông thường, không chuyển đổi và không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm (“Trái phiếu”).
- 5. Ngày phát hành dự kiến:** ngày 27 tháng 12 năm 2023
- 6. Mục Đích Phát Hành:** để thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác.

7. Điều kiện, điều khoản của trái phiếu theo quy định pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp:

- a) Kỳ Hạn Trái Phiếu: 60 tháng;
- b) Khối lượng phát hành: 300.000.000.000 VNĐ (Ba trăm tỷ đồng).
- c) Đồng tiền phát hành và thanh toán trái phiếu: đồng Việt Nam;
- d) Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng);
- e) Hình thức trái phiếu: bút toán ghi sổ;
- f) Lãi suất danh nghĩa: Lãi suất cố định 10,5%/năm trong suốt kỳ hạn của trái phiếu;
- g) Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm theo chứng quyền, không có tài sản bảo đảm;
- h) Phương thức thanh toán gốc, lãi trái phiếu:
 - Thanh toán gốc: tiền gốc được thanh toán một lần vào thời điểm đáo hạn.
 - Thanh toán lãi: thanh toán sau, định kỳ 06 (sáu) tháng một lần vào Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đáo Hạn hoặc ngày đến hạn khác để thực hiện mua lại.

8. Mua lại trước hạn: Vào thời điểm sau 12 (mười hai) tháng từ Ngày Phát Hành, Tổ Chức Phát Hành có quyền mua lại trước hạn một phần hoặc toàn bộ Trái Phiếu đã phát hành.

9. Giao dịch trái phiếu: trái phiếu chỉ được giao dịch giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, trừ trường hợp thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.

10. Các tổ chức liên quan đến đợt chào bán:

a) Tổ chức tư vấn phát hành : Công ty cổ phần Chứng khoán HD (“HDS”)

❖ Công ty cổ phần chứng khoán HD (“HDS”)



❖ Địa chỉ trụ sở: Lầu 3B và 9, Số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

❖ Điện thoại: (84-28) 62 836 888 Fax: (84-28) 62 838 666

❖ Website: www.hdbs.vn Email: info@hdbs.vn

b) Đại lý phát hành : Công ty cổ phần Chứng khoán HD (“HDS”)

❖ Công ty cổ phần chứng khoán HD (“HDS”)



- ❖ Địa chỉ trụ sở: Lầu 3B và 9, Số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- ❖ Điện thoại: (84-28) 62 836 888 Fax: (84-28) 62 838 666
- ❖ Website: www.hdbs.vn Email: info@hdbs.vn

c) Đại lý lưu ký và Đại lý quản lý chuyển nhượng Trái phiếu : Công ty cổ phần Chứng khoán HD (“HDS”)

- ❖ Công ty cổ phần chứng khoán HD (“HDS”)



- ❖ Địa chỉ trụ sở: Lầu 3B và 9, Số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- ❖ Điện thoại: (84-28) 62 836 888 Fax: (84-28) 62 838 666
- ❖ Website: www.hdbs.vn Email: info@hdbs.vn

d) Đại lý thanh toán gốc, lãi Trái phiếu: Công ty cổ phần Chứng khoán HD (“HDS”)

- ❖ Công ty cổ phần chứng khoán HD (“HDS”)



- ❖ Địa chỉ trụ sở: Lầu 3B và 9, Số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- ❖ Điện thoại: (84-28) 62 836 888 Fax: (84-28) 62 838 666
- ❖ Website: www.hdbs.vn Email: info@hdbs.vn

đ) Tổ chức kiểm toán: (Việt Nam)

- ❖ Công ty TNHH PWC (Việt Nam)



- ❖ Địa chỉ: Lầu 08, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam

- ❖ Điện thoại: +(84-28) 38230796
- ❖ Website: <https://www.pwc.com/vn>

PHẦN II

THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU

1. DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH

- Bà **NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO** - **Chức vụ:** Chủ tịch HĐQT
- Ông **DONAL JOSEPH BOYLAN** - **Chức vụ:** Phó Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT độc lập
- Ông **NGUYỄN ANH TUẤN** - **Chức vụ:** Phó Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT độc lập
- Bà **NGUYỄN THANH HÀ** - **Chức vụ:** Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông **ĐINH VIỆT PHƯƠNG** - **Chức vụ:** Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
- Bà **HỒ NGỌC YẾN PHƯƠNG** - **Chức vụ:** Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc – CFO
- Bà **NGUYỄN THỊ THANH NGA** - **Chức vụ:** Kế toán trưởng

Chúng tôi cam kết rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm tập thể và cá nhân về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản công bố thông tin này.

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

Đại diện theo pháp luật **Công ty Cổ phần Chứng khoán HD**

Ông: **NGUYỄN HÀ QUỲNH**

Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ chào bán trái phiếu riêng lẻ Công ty Cổ phần Chứng khoán HD tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 04/2023/HDS-VJC/DVTC ngày 30 tháng 10 năm 2023 với Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet. Tổ chức tư vấn có trách nhiệm rà soát việc đáp ứng đầy đủ quy định về điều kiện chào bán và hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Nghị định 65/2022/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 16 tháng 09 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ ra thị trường quốc tế; Nghị định 08/2023/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 05 tháng 03 năm 2023 sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế và pháp luật về chứng khoán.

II. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

1.1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành:

- a) Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet
b) Tên tiếng Anh: Vietjet Aviation Joint Stock Company
c) Địa chỉ: 302/3 Phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
d) Loại hình doanh nghiệp: Công ty Cổ phần đại chúng
đ) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102325399 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2007, được sửa đổi bổ sung vào từng thời điểm.
e) Vốn điều lệ: 5.416.113.340.000 đồng (Năm nghìn bốn trăm mười sáu tỷ, một trăm mười ba triệu, ba trăm bốn mươi nghìn đồng)
f) Điện thoại: 024471086668 Fax: 02437281838
g) Website: www.vietjetair.com Email: info@vietjetair.com
h) Ngành nghề kinh doanh chính: Cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách và vận chuyển hàng hóa trên các tuyến đường bay nội địa và quốc tế và các hoạt động hỗ trợ liên quan và mua bán tàu bay và các bộ phận tàu bay.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Với mục đích mang lại những chuyến bay an toàn với chất lượng dịch vụ tiêu chuẩn quốc tế, Vietjet đã đầu tư 4 năm (2007-2011) cho công tác chuẩn bị về nguồn lực, hệ thống và tài chính để đảm bảo phát triển doanh nghiệp bền vững, đóng góp vào sự phát triển của ngành hàng không, ngành du lịch cũng như phát triển kinh tế trong khu vực. Kể từ thời điểm thực hiện chuyến bay thương mại đầu tiên, Vietjet đã đạt được các dấu mốc quan trọng trong hành trình chinh phục bầu trời và mang lại sự đổi mới cho ngành hàng không Việt Nam.

| Thời gian | Những cột mốc phát triển quan trọng |
|-----------|--|
| 2007 | <ul style="list-style-type: none">Vietjet được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vận tải hàng không số 01/0103018458 và là hãng hàng không tư nhân đầu tiên của Việt Nam được cấp phép hoạt động trên các đường bay trong nước và quốc tế |
| 2011 | <ul style="list-style-type: none">Khai trương chuyến bay thương mại đầu tiên từ Tp. Hồ Chí Minh đến Thủ đô Hà Nội vào ngày 24/12 |
| 2012 | <ul style="list-style-type: none">Ra mắt Slogan mới của Vietjet “Bay là thích ngay”.Mở rộng mạng bay nội địa đến 7 điểm đến mới gồm có: Vinh, Đà Nẵng, Nha Trang, Đà Lạt, Phú Quốc, Hải Phòng. |

| Thời gian | Những cột mốc phát triển quan trọng |
|-----------|--|
| 2013 | <ul style="list-style-type: none"> • Vietjet thực hiện chuyến bay quốc tế đầu tiên từ Tp. Hồ Chí Minh đến Bangkok, Thái Lan ngày 10/2. • Ký thỏa thuận hợp tác với Lufthansa Technik AG. Lufthansa Technik, cung cấp cho Vietjet các giải pháp hàng đầu về công nghệ, dịch vụ bảo trì, tư vấn trong các dự án kỹ thuật, tập huấn kỹ thuật cho nhân viên và các dịch vụ tư vấn khác • Khai trương mới 4 đường bay nội địa và 2 điểm đến mới gồm Quy Nhơn, Buôn Mê Thuột. • Cuối năm 2013, Vietjet đạt 20,2% thị phần hàng không nội địa |
| 2014 | <ul style="list-style-type: none"> • Ký kết mua 200 tàu bay từ Tập đoàn sản xuất tàu bay Airbus. Tiếp nhận tàu bay đầu tiên trong hợp đồng mua tàu bay Airbus. • Ra mắt Công ty cổ phần Vietjet Cargo. • Ra mắt Công ty cổ phần Thai Vietjet. • Khai trương mới 5 đường bay nội địa và 2 điểm đến mới gồm Thanh Hoá, Cần Thơ. • Khai trương 3 đường bay quốc tế mới tới Singapore, Hàn Quốc, Đài Loan. |
| 2015 | <ul style="list-style-type: none"> • Khai trương Trung tâm Đào tạo. • Nhận chứng nhận An toàn Khai thác IOSA bởi Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA). • Khai trương mới 9 đường bay nội địa và 3 điểm đến mới gồm Đồng Hới, Chu Lai, Pleiku. • Khai trương mới 2 đường bay quốc tế và 1 điểm đến mới tại Yagoon (Myanmar) |
| 2016 | <ul style="list-style-type: none"> • Ký thỏa thuận hợp tác xây dựng Trung tâm huấn luyện hàng không với Airbus. • Ký kết đặt hàng bổ sung 20 tàu bay thế hệ mới A321 động cơ CEO và NEO với Airbus. • Chính thức trở thành thành viên Hiệp hội Hàng không Quốc tế (IATA). • Khai trương mới 9 đường bay nội địa và 2 điểm đến mới tại Cần Thơ và Huế. • Khai trương mới các đường bay quốc tế đến điểm đến mới tại Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc và Malaysia. |
| 2017 | <ul style="list-style-type: none"> • Niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh. • Khai trương động thổ dự án Học viện Hàng không Vietjet. • Tham gia Hội nghị cấp cao APEC tại Đà Nẵng. • Khai trương đường bay mới nâng tổng đường bay nội địa lên 38 đường bay. |

| Thời gian | Những cột mốc phát triển quan trọng |
|-----------|--|
| | <ul style="list-style-type: none"> • Khai trương mới mạng bay quốc tế tới nhiều điểm đến tại Thái Lan, Trung Quốc, Cambodia, Đài Loan, Hàn Quốc, Myanmar nâng tổng đường bay quốc tế lên 44 đường bay. |
| 2018 | <ul style="list-style-type: none"> • Mở đường bay đi Tokyo và Osaka – Nhật Bản. • Ký biên bản ghi nhớ cho dịch vụ hỗ trợ bảo dưỡng động cơ dài hạn với CFM International. Ký thỏa thuận trị giá 7,3 tỷ đô-la với Safran – CFM, GECAS tại Pháp. • Ký thỏa thuận mở đường bay trực tiếp kết nối Việt Nam và Úc tại Sydney, Úc; |
| 2019 | <ul style="list-style-type: none"> • Mở thêm đường bay từ Việt Nam – Nhật Bản. • Đạt mốc 100 triệu lượt khách trong nước và quốc tế. • Đạt tổng cộng 139 đường bay bao gồm 44 đường bay nội địa và 95 đường bay quốc tế. • Đội tàu bay được nâng lên 78 tàu và tuổi trung bình 2,82 tuổi. • Ký thỏa thuận mua 20 tàu bay thế hệ mới A321XLR với Airbus. • Trở thành thành viên chính thức của Liên đoàn Kinh tế Nhật Bản – Keidanren. |
| 2020 | <ul style="list-style-type: none"> • Tự thực hiện các dịch vụ mặt đất tại sân bay Nội Bài từ ngày 04/09/20221 • Là hãng hàng không vận chuyển hàng hóa trong khoang hành lý tốt nhất của năm và Hãng hàng không chi phí thấp có hoạt động vận chuyển hàng hóa tốt nhất năm (Tập chí Payload Asia vinh danh) • Được xếp hạng an toàn hàng không với mức 7 sao (mức cao nhất) bởi AirlineRatings.com |
| 2021 | <ul style="list-style-type: none"> • Dấu mốc kỷ niệm 10 năm cất cánh chuyến bay đầu tiên (24/12/2011 – 24/12/2021). • Đón tàu bay thân rộng Airbus A330 đầu tiên. • Ký thỏa thuận đối tác chiến lược với Airbus về thực hiện hợp đồng 119 tàu bay đã đặt hàng và hợp tác phát triển đội tàu bay thân rộng. |
| 2022 | <ul style="list-style-type: none"> • Ký kết hợp tác triển khai ứng dụng Nhật ký kỹ thuật điện tử của AVIATAR (AVIATAR’s Technical Logbook) với Tập đoàn Lufthansa Technik, giúp việc quản lý dữ liệu kỹ thuật, việc phối hợp giữa đoàn bay và đội bảo dưỡng kỹ thuật của Vietjet trở nên thông suốt và hiệu quả hơn. • Ký kết Biên bản hợp tác chiến lược trị giá 1,5 tỷ USD với Công ty Cảng hàng không quốc tế Changi về việc phát triển việc cung cấp các dịch vụ hàng không tại các cảng hàng không của Việt Nam và trong khu vực. • Nhận thêm hai tàu bay thân rộng A330 gia nhập đội bay. |

Các thành tích và giải thưởng đạt được:

Sau hơn 11 năm cất cánh, Vietjet đã tăng trưởng vượt bậc với những thành tích ấn tượng, ghi dấu ấn trong lịch sử phát triển ngành hàng không Việt Nam. Một số thành tích và giải thưởng mà Vietjet đạt được trong những năm qua:

| STT | Logo của tổ chức công nhận | Mô tả các giải thưởng được trao |
|-----|---|---|
| 1. | CAPA | Hãng hàng không chi phí thấp của năm tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương – Centre for Asia Pacific Aviation (CAPA) |
| 2. | AirlineRatings | Hãng hàng không siêu tiết kiệm tốt nhất thế giới năm 2020 |
| 3. | Tạp chí AirFinance Journal | Top 50 hãng hàng không tốt nhất thế giới về chỉ số sức khỏe hoạt động, tài chính |
| 4. | World Airline Awards | Hãng hàng không chi phí thấp tốt nhất Việt Nam – SkyTrax 2019 World Airline Awards |
| 5. | Tổng cục du lịch Việt Nam | Hãng hàng không có tốc độ tăng trưởng khách du lịch nhanh nhất – Tổng cục Du lịch Việt Nam |
| 6. | ASEAN – BAC | Doanh nghiệp tốt nhất ngành hàng không tại Đông Nam Á năm 2019 – Hội đồng tư vấn kinh doanh ASEAN (ASEAN – BAC) |
| 7. | Hàn Quốc | Thương hiệu Chất lượng Dịch vụ - Giải thưởng Thương hiệu Uy tín Hàn Quốc 2019 |
| 8. | Forbes | Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam – Forbes |
| 9. | Brand Finance | Top 50 doanh nghiệp thương hiệu giá trị nhất Việt Nam – Brand Finance |
| 10. | Tạp chí Nhịp cầu Đầu tư | Top 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam – Tạp chí Nhịp cầu Đầu tư |
| 11. | VCCI | Top 10 doanh nghiệp có năng lực quản trị tốt nhất sàn chứng khoán Việt Nam – VCCI |
| 12. | HOSE | Top 20 cổ phiếu của công ty niêm yết có điểm phát triển bền vững tốt nhất - HOSE |
| 13. | Vietnam Report | Top 10 doanh nghiệp niêm yết uy tín – Vietnam Report |
| 14. | Smarttravelasia | Top 10 hãng hàng không chi phí thấp – Smart travel asia |
| 15. | Anphabe và Công ty Nghiên cứu thị trường Intage | Top 100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam – Anphabe và Công ty Nghiên cứu thị trường Intage |

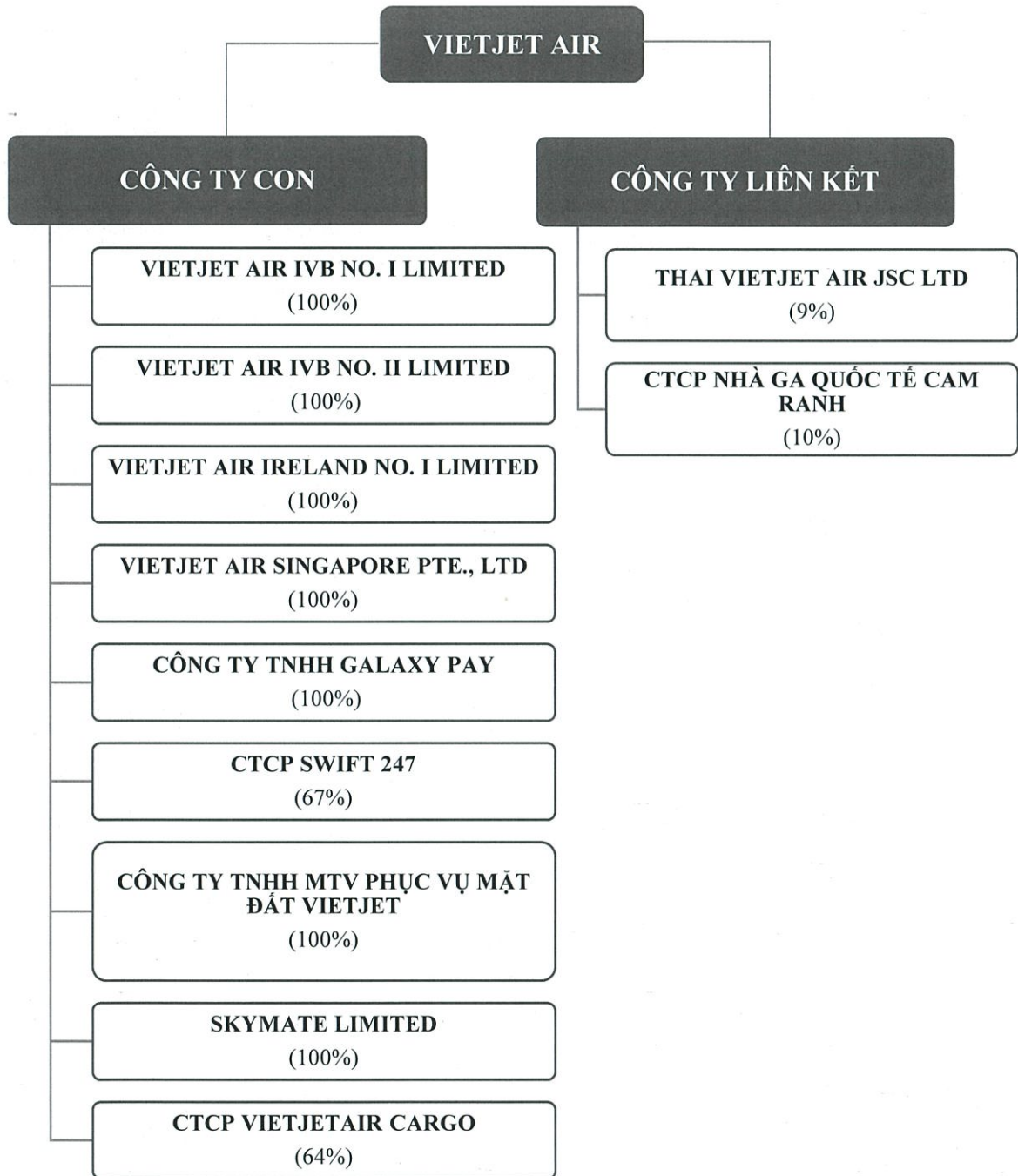
| STT | Logo của tổ chức công nhận | Mô tả các giải thưởng được trao |
|-----|---|--|
| 16. | HR Asia Awards | Nơi làm việc tốt nhất châu Á 2019 – HR Asia Awards |
| 17. | CMO Asia | Thương hiệu tốt nhất châu Á – CMO Asia |
| 18. | Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc | Bằng khen của Chính phủ về những đóng góp cho cộng đồng - Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc |
| 19. | Tạp chí về vận tải hàng không Payload Asia | “Hãng hàng không vận chuyển hàng hoá trong khoang hành lý tốt nhất của năm 2020” “Hãng hàng không chi phí thấp có hoạt động vận chuyển hàng hoá tốt nhất năm 2020” |
| 20. | AirlineRatings | “Top 10 hãng hàng không chi phí thấp an toàn nhất thế giới năm 2022” “Hãng hàng không mang lại giá trị tốt nhất cho khách hàng toàn cầu 2022” "Top 10 hãng hàng không chi phí thấp tốt nhất thế giới 2022" |
| 21. | Tạp chí The Global Economics Times - Anh Quốc | Sản phẩm Fintech mới tốt nhất 2022 'Bay trước - Trả sau' hợp tác với MOVI |
| 22. | World Business Outlook Awards | “Hãng bay đem lại giá trị tốt nhất cho khách hàng châu Á 2022” “Hãng bay có dịch vụ tiếp viên trên tàu bay tốt nhất châu Á 2022” |
| 23. | Skytrax | “Hãng hàng không chi phí thấp tốt nhất Việt Nam – World Airline Awards 2022” |
| 24. | Tạp chí nhịp cầu đầu tư | Trong năm thứ tư liên tiếp kể từ khi niêm yết trên sàn chứng khoán, Vietjet được bầu chọn trong danh sách TOP50 với những thương hiệu “tỷ đô” uy tín trong nước |
| 25. | Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch | Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã tặng Bằng khen cho Vietjet ghi nhận những đóng góp của hãng hàng không Vietjet trong các hoạt động phát triển du lịch |

Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

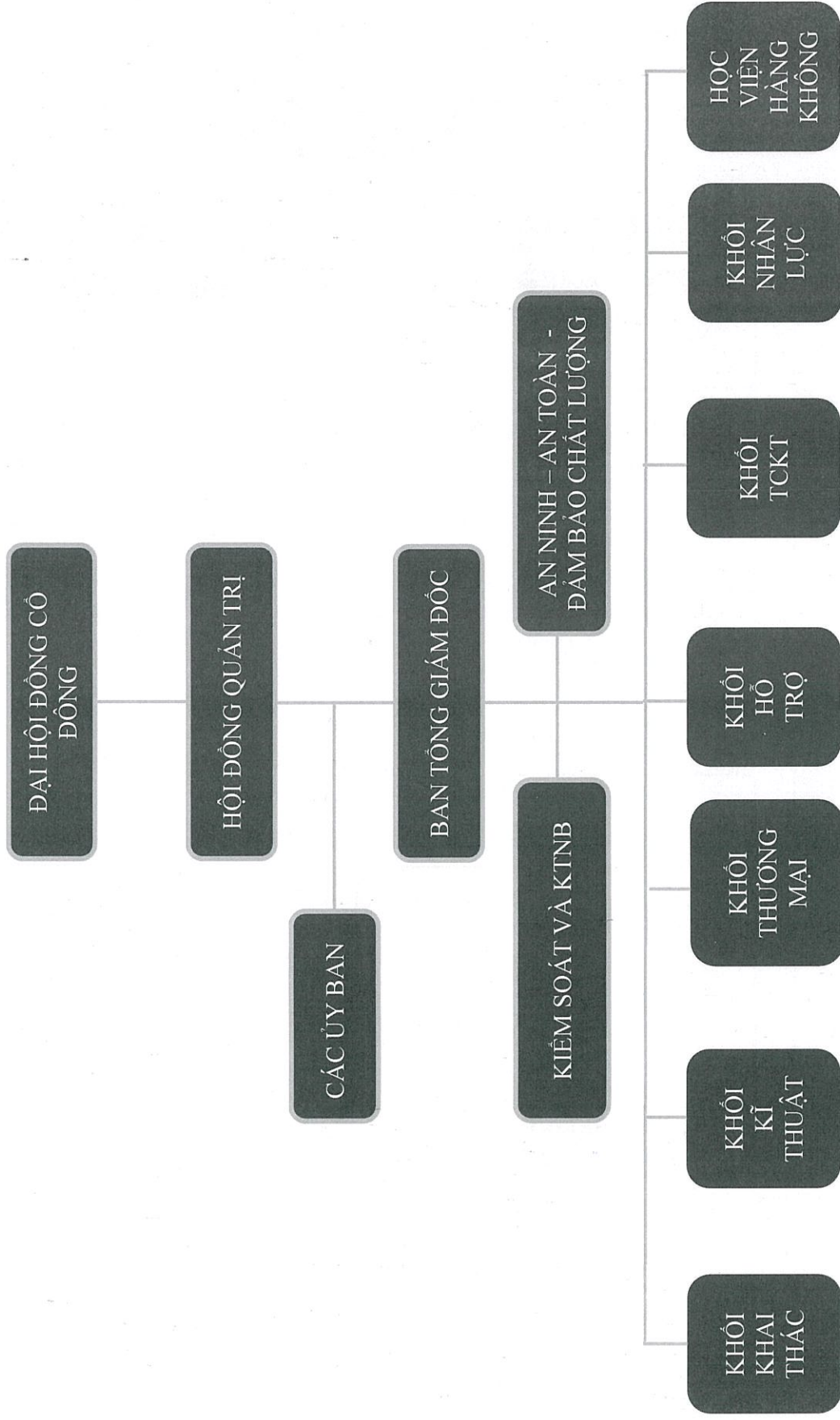
| Thời điểm | Vốn tăng thêm (đồng) | Vốn điều lệ (đồng) | Phương thức tăng vốn |
|------------------|-----------------------------|---------------------------|---|
| 2007 | - | 600.000.000.000 | - Thành lập Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet |
| 05/2013 | 200.000.000.000 | 800.000.000.000 | - Phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 3:1 |
| 3/2015 | 200.000.000.000 | 1.000.000.000.000 | - Chia cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 25% |
| 10/2015 | 450.000.000.000 | 1.450.000.000.000 | - Chia cổ tức bằng tiền mặt, tỷ lệ 100:45; Phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 45% (và được cân trừ với cổ tức bằng tiền mặt nêu trên) |
| 6/2016 | 550.000.000.000 | 2.000.000.000.000 | - Phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu, tỷ lệ 100:33 (cổ phiếu thưởng) - Phát hành 7.150.000 cổ phiếu cho cán bộ nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động. |
| 9/2016 | 500.000.000.000 | 2.500.000.000.000 | - Chia cổ tức bằng tiền mặt, tỷ lệ 25% - Phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 25% (và được cân trừ với cổ tức bằng tiền mặt nêu trên) |
| 11/2016 | 500.000.000.000 | 3.000.000.000.000 | - Phát hành cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 20% (cổ phiếu thưởng) |
| 2017 | 1.513.432.840.000 | 4.513.432.840.000 | - Phát hành riêng lẻ 22.388.060 cổ phiếu cho Công ty TNHH Đầu tư Hướng Dương Sunny tăng vốn thêm 223.880.600.000 tỷ đồng - Tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu 40% tương ứng với 1.289.552.240.000 đồng. Vốn điều lệ của Vietjet tăng lên 4.513.432.840.000 tỷ đồng |
| 2018 | 902.680.500.000 | 5.416.113.340.000 | - Phát hành cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 20% (cổ phiếu thưởng) |

2. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG VIETJET



2.1. Về tổ chức, bộ máy của doanh nghiệp

Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành theo như Điều Lệ của Tổ Chức Phát Hành bao gồm:

❖ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông có quyền bầu, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát. Đại hội đồng Cổ đông có quyền xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty, quyết định tổ chức lại hoặc giải thể công ty và thông qua định hướng phát triển của Công ty.

❖ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị gồm 9 (chín) thành viên, là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề quan trọng liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ giám sát Tổng Giám đốc và những người quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông quy định.

❖ Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty bao gồm 01 (một) Tổng Giám đốc và 10 (mười) Phó Tổng giám đốc, trong đó 05 (năm) Phó Tổng giám đốc thuộc Ban điều hành và 05 (năm) Phó Tổng giám đốc phụ trách chuyên môn. Tổng Giám đốc được Hội đồng quản trị ủy quyền, là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giám đốc Điều hành và các Phó Tổng giám đốc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh trực tiếp, tư vấn góp ý cho Tổng Giám đốc đưa ra các quyết định chiến lược cho Công ty.

❖ Bộ phận Kiểm toán và Kiểm soát nội bộ

Bộ phận Kiểm toán – Kiểm soát nội bộ chịu trách nhiệm đảm bảo các chính sách, quy chế, quy trình đã được xây dựng một cách phù hợp có tính đến các rủi ro trong môi trường hoạt động và kinh doanh của Công ty để đưa ra các ý kiến kiến nghị chỉnh sửa (nếu cần thiết); phát hiện và ngăn ngừa các rủi ro tiềm ẩn trong tất cả các hoạt động của doanh nghiệp; bảo đảm các hoạt động của Công ty tuân thủ những quy định, pháp luật của nhà nước, các quy định của ngành hàng không, các quy chế, quy trình và quy định nội bộ.

❖ Bộ phận An ninh – an toàn bảo đảm chất lượng

Phòng An ninh: chịu trách nhiệm thiết lập và triển khai chương trình an ninh của Công ty đáp ứng các tiêu chuẩn của CAAV và các quốc gia Công ty có hoạt động khai thác; điều tra sự cố và kiểm soát rủi ro an ninh, đồng thời triển khai các hoạt động đảm bảo chất lượng an ninh hàng không và các biện pháp phòng ngừa; thiết lập và duy trì kế hoạch khẩn nguy đồng thời đảm bảo trung tâm ứng phó khẩn nguy sẵn sàng 24/7; trực tiếp xử lý các sự cố an ninh hàng không; kiểm soát và phát triển kế hoạch huấn luyện kiến thức an ninh hàng không theo quy định.

Phòng An toàn và đảm bảo chất lượng: chịu trách nhiệm thiết lập, ban hành, cập nhật và triển khai thực hiện các hệ thống an toàn, chất lượng của Công ty theo các yêu cầu của các cơ quan ban ngành; kiểm tra và giám sát thường xuyên để đảm bảo các hoạt động khai thác, bảo dưỡng tuân thủ theo các yêu cầu an toàn của CAAV và các nhà chức trách hàng không liên quan.

❖ **Khối Khai thác bay**

Đoàn bay: chịu trách nhiệm lên kế hoạch, tổ chức và quản lý hoạt động bay liên quan đến phi hành đoàn; đảm bảo phi hành đoàn đủ điều kiện phục vụ khai thác hàng ngày; giám sát các tiêu chuẩn an toàn bay bởi tất cả các phi hành đoàn chuyến bay để đảm bảo an toàn khai thác bay; lập kế hoạch phát triển nguồn nhân lực phi công, tuyển chọn, đào tạo huấn luyện đội ngũ phi công.

Đoàn Tiếp viên: có chức năng tổ chức quản lý, điều hành và cung cấp lực lượng tiếp viên phục vụ hành khách trên các chuyến bay của Công ty; xây dựng quy trình an toàn, phương thức an toàn nhằm đảm bảo an toàn bay cho tất cả các chuyến bay đang khai thác; xây dựng quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, định mức dịch vụ, phục vụ hành khách trong chuyến bay; lập kế hoạch phát triển nguồn nhân lực tiếp viên, tuyển chọn, đào tạo huấn luyện và tổ chức thực hiện khi được phê duyệt.

Trung tâm điều hành bay: chịu trách nhiệm điều hành các hoạt động bay hàng ngày, đảm bảo an toàn, đúng lịch, tạo thuận lợi cho hành khách và đạt hiệu quả khai thác cao; điều hành các hoạt động bay tập trung, thống nhất từ các cơ quan Công ty cũng như các bộ phận cơ sở; quản lý bộ phận phân lịch bay cho phi công và tiếp viên, đảm bảo nguồn lực bay hiệu quả; xây dựng các quy trình điều hành và chịu trách nhiệm chính trong việc xử lý các tình huống bất thường xảy ra đối với các chuyến bay.

Phòng Kỹ thuật khai thác bay: chịu trách nhiệm phụ trách tổng thể tính năng của đội máy bay, trọng lượng và tính toán cân bằng tải, xây dựng tài liệu hướng dẫn vận hành; chuẩn bị và rà soát lại tất cả các số liệu đường bay và cập nhật dữ liệu vào hệ thống hoạch định và cơ sở dữ liệu điều hướng máy bay; quản lý các tài liệu khai thác bay để đảm bảo rằng tất cả các phi công, phi hành đoàn và các đơn vị có liên quan có thể truy cập và cập nhật các tài liệu hướng dẫn.

❖ **Khối Kỹ thuật**

Khối Kỹ thuật bao gồm các đơn vị: ban Kỹ thuật, ban Kế hoạch bảo dưỡng; ban Cung ứng; Trung tâm bảo dưỡng; ban Độ tin cậy và ban Đào tạo kỹ thuật chịu trách nhiệm phối hợp các bộ phận trong khối kỹ thuật thực hiện bảo dưỡng đảm bảo máy bay phục vụ khai thác; lập kế hoạch bảo dưỡng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn cho các đội máy bay, động cơ, linh kiện, thiết bị liên quan và đảm bảo rằng việc bảo dưỡng được thực hiện một cách kịp thời; lập kế hoạch, triển khai và cập nhật lịch trình bảo dưỡng máy bay, động cơ và các bộ phận khác.

❖ **Khối Khai thác mặt đất**

Khối Khai thác mặt đất theo dõi các dịch vụ được cung cấp bởi các bên ký kết hợp đồng nhằm đảm bảo các dịch vụ cung cấp (mặt đất, hàng hóa, xăng dầu...) tuân thủ các quy định an ninh, an toàn, đúng theo điều khoản trong hợp đồng; tăng doanh thu cho Công ty thông qua triển khai các dịch vụ liên quan đến doanh thu phụ trợ tại sân bay.

❖ **Khối Thương Mại**

Khối Thương mại bao gồm phòng Kênh bán (Đại diện thương mại tại miền Nam, Trung, Bắc), phòng Chính sách và Hỗ trợ, phòng Truyền thông & Tiếp thị, phòng Doanh thu khác, phòng Quản trị doanh thu, phòng Charter, phòng Interline, phòng Hàng hóa, và Tổng đài chăm sóc khách hàng. Khối Thương mại chịu trách nhiệm xây dựng và phát triển thương hiệu; duy trì và phát triển các kênh bán hàng; thực hiện các chiến dịch bán hàng để đạt mục tiêu doanh số từ Ban Tổng Giám đốc; thiết lập và phát triển kênh bán hàng qua Interline/ GDS; xây dựng và phát triển chính sách thương mại, sản phẩm và dịch vụ; lên lịch bay; quản lý hệ thống đặt chỗ; xây dựng và quản lý các sản phẩm bán trên máy bay.

❖ **Khối Tài chính - Kế toán**

Khối Tài chính Kế toán chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch tài chính trung hạn và dài hạn cho toàn VJC; đảm bảo báo cáo tài chính được kiểm toán và công bố thông tin đúng thời hạn; quản trị các chỉ số tài chính hiệu quả; lập và kiểm soát ngân sách Công ty; quản lý và triển khai kế hoạch tài chính tàu bay hiệu quả; đề xuất và thực hiện các phương án cấp vốn, phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ theo quy định; thiết lập các chính sách và quy trình đánh giá; đảm bảo tính tuân thủ nội bộ và các quy định hiện hành; tổ chức gặp gỡ và phát triển mối quan hệ nhà đầu tư, giữ gìn thị giá của công ty.

❖ **Khối Nhân sự**

Phòng Nhân sự chịu trách nhiệm tổ chức và đảm bảo công tác quản lý nhân sự hiệu quả và tin cậy trong công ty; đảm bảo sử dụng tối ưu nguồn nhân lực cho lợi ích chung của công ty, mỗi cá nhân và cộng đồng; tổ chức thực hiện đánh giá hiệu quả công việc để xác định năng lực hiện tại, tiềm năng và nhu cầu đào tạo của nhân viên; tổ chức các khóa đào tạo bên trong và bên ngoài để đáp ứng nhu cầu đào tạo của nhân viên; theo dõi và đánh giá nhân viên trong các khóa đào tạo ngắn và dài hạn.

❖ **Văn phòng hỗ trợ**

a) **Văn phòng lãnh đạo**

Hỗ trợ Giám đốc điều hành và các phó Tổng Giám đốc trong việc chỉ đạo, điều hành những công việc hằng ngày. Phối hợp với các phòng ban khác của Công ty để thực hiện chủ trương và chỉ đạo của Tổng Giám đốc. Văn phòng lãnh đạo còn hỗ trợ Giám đốc điều hành trong việc báo cáo cho HĐQT về hoạt động của Công ty, công tác quản lý rủi ro và Kiểm soát tuân thủ.

b) **Dự án và Phát triển kinh doanh**

Chịu trách nhiệm chính trong việc phát triển hiệu quả hoạt động thương mại dịch vụ, các hoạt động truyền thông và phụ trách các dự án phát triển các Công ty Hàng không ở nước ngoài mang thương hiệu Vietjet Air.

c) **Pháp chế**

Chịu trách nhiệm chủ trì và phối hợp với các phòng ban liên quan trong việc kiểm tra và đề xuất đến Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc để thay đổi, cập nhật hoặc ban hành quy định mới của Công ty và đáp ứng nhu cầu hoạt động thực tế của Công ty cũng như phù hợp với các quy định của Nhà nước, các tổ chức quốc tế, và các nước liên quan; đưa ra ý kiến pháp lý để quyết định việc tổ chức và quản lý của Công ty; tham gia tố tụng hoặc đưa ra lời khuyên trong việc thuê luật sư tham gia tố tụng là người đại diện có thẩm quyền của Ban quản lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty.

d) **Mua sắm**

Phòng Mua hàng chịu trách nhiệm thực hiện các công tác đầu tư, mua sắm cho toàn Công ty, quản lý các hợp đồng nhiên liệu; hỗ trợ bộ phận kỹ thuật trong việc cung ứng phụ tùng, logistic, bảo dưỡng sửa chữa đội máy bay.

đ) **Hợp đồng và Bảo hiểm**

Chịu trách nhiệm chủ trì, tham gia đàm phán hợp đồng gồm các thỏa thuận mua bán dịch vụ và hàng hóa liên quan đến máy bay, phụ tùng vật tư máy bay, nhiên liệu và các thỏa thuận khác; là đầu mối triển khai thực hiện các hợp đồng lớn của Công ty; tổ chức lập và triển khai thực hiện các

dự án mua, thuê và cho thuê máy bay theo kế hoạch và phê duyệt của Công ty; chủ trì trong việc tổ chức thu xếp bảo hiểm hàng không cho đội máy bay và phi hàng không của Công ty.

e) Phát triển đội tàu bay

Chịu trách nhiệm chính trong việc phát triển đội tàu bay, quản lý đội tàu bay hiện có và theo dõi việc bàn giao những tàu bay đã được đặt hàng. Đội phát triển tàu bay chịu trách nhiệm trong việc phát triển đội tàu bay A321-NEO-XLR bên cạnh đội tàu bay A320 và A321 hiện có và hỗ trợ những phòng ban khác trong việc mua sắm và bảo dưỡng tàu bay.

f) ICT

Phòng Công nghệ thông tin chịu trách nhiệm lập kế hoạch, thực hiện và quản lý hệ thống IT; hỗ trợ hoạt động thương mại điện tử; duy trì và quản lý hệ thống thanh toán, hệ thống quản trị rủi ro; quản lý hệ thống đặt chỗ; phát triển các ứng dụng nội bộ theo các yêu cầu từ các phòng ban.

❖ Trung tâm Khai thác dịch vụ mặt đất

Trung tâm Khai thác dịch vụ mặt đất chịu trách nhiệm quản lý chung và phát triển hoạt động khai thác dịch vụ mặt đất (bao gồm dịch vụ hành khách, hành lý, hàng hóa) tại tất cả các sân bay nội địa, quốc tế; đảm bảo chất lượng dịch vụ hàng không tại tất cả các đầu sân bay.

❖ Ban Kinh doanh nhượng quyền

Có trách nhiệm trong việc theo dõi, xử lý những nghiệp vụ chuyển giao quyền sở hữu và thương mại tàu bay. Ngoài ra, Ban Kinh doanh nhượng quyền còn có nhiệm vụ trong việc phát triển việc nhượng quyền khai thác các cảng hàng không và những dịch vụ mặt đất phụ trợ.

❖ Học viện hàng không

Trung tâm Đào tạo chịu trách nhiệm huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không; tham mưu cho Ban Điều hành trong việc xây dựng chiến lược, quy chế, quy định liên quan đến hoạt động huấn luyện; đảm bảo hoạt động đúng quy định, đúng chức năng, tuân thủ theo yêu cầu của tổ chức huấn luyện được phê chuẩn, CAAV và các tổ chức có liên quan khác; tổ chức, quản lý và thực hiện công tác đào tạo, huấn luyện của Công ty và các Công ty thành viên; tổ chức, quản lý các loại hình đào tạo, huấn luyện, và các dự án do Ban Tổng Giám đốc giao; phối hợp các đơn vị xây dựng kế hoạch, chương trình đào tạo, huấn luyện hàng năm, tổng hợp và báo cáo Ban Tổng Giám đốc phê duyệt; quản lý, giám sát, theo dõi và phát triển đội ngũ Giáo viên; đại diện Công ty liên hệ với các cơ quan quản lý nhà nước và các đối tác trong và ngoài nước trong công tác huấn luyện.

2.2. Danh sách cổ đông của công ty

Danh sách cổ đông lớn nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 17/04/2023:

| STT | Cổ đông | Số lượng (Cổ phần) | Tỷ lệ |
|-----|---------------------------------------|-----------------------|--------|
| 1 | Công Ty TNHH Đầu Tư Hướng Dương Sunny | 154.740.160 | 28,57% |
| 2 | Nguyễn Thị Phương Thảo | 47.470.914 | 8,76% |
| 3 | Công Ty Cổ Phần Sovico | 41.106.000 | 7,59% |

(Nguồn: Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam)

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 17/04/2023:

| STT | Loại cổ đông | Số lượng cổ phiếu | Giá trị (triệu đồng) | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|------------------|---------------------------|--------------------|----------------------|------------------|
| I | Cổ đông trong nước | 446.684.102 | 4.466.841 | 82,47 |
| 1 | Cổ đông tổ chức | 133.094.225 | 1.330.942 | 24,57 |
| 2 | Cổ đông cá nhân | 313.589.877 | 3.135.899 | 57,90 |
| II | Cổ đông nước ngoài | 94.927.232 | 949.272 | 17,53 |
| 1 | Cá nhân | 543.534 | 5.435 | 0,10 |
| 2 | Tổ chức | 94.383.698 | 943.837 | 17,43 |
| III | Cổ phiếu quỹ | - | - | - |
| Tổng cộng | | 541.611.334 | 5.416.113 | 100 |

(Nguồn: Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam)

2.3. Danh sách Công ty mẹ: Không có

2.4. Danh sách Công ty con và Công ty liên kết:

2.4.1. Công ty con (số lượng: 9)

❖ **Vietjet Air IVB No. I Limited**

- Địa chỉ: Bristish Virgin Islands
- Giấy chứng nhận ĐKDN: 1825671 ngày 27 tháng 5 năm 2014
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh và cho thuê tàu bay và các bộ phận tàu bay
- Vốn điều lệ đăng ký: Không

Tình hình hoạt động: Còn hoạt động

❖ **Vietjet Air IVB No. II Limited**

- Địa chỉ: Bristish Virgin Islands
- Giấy chứng nhận ĐKDN: 1825613 ngày 27 tháng 5 năm 2014
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh và cho thuê tàu bay
- Vốn điều lệ đăng ký: Không
- Tỷ lệ nắm giữ của Vietjet: 100%

Tình hình hoạt động: Còn hoạt động

❖ **Vietjet Air Ireland No. I Limited**

- Địa chỉ: Ireland
- Giấy chứng nhận ĐKDN: 544879 ngày 3 tháng 6 năm 2014
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh và cho thuê tàu bay

- Vốn điều lệ đăng ký: Không
 - Tỷ lệ nắm giữ của Vietjet: 100%
 - Tình hình hoạt động: Còn hoạt động
- ❖ **Vietjet Air Singapore Pte., Ltd.**
- Địa chỉ: Singapore
 - Giấy chứng nhận ĐKDN: 201408849N ngày 27 tháng 3 năm 2014
 - Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh tàu bay
 - Vốn điều lệ đăng ký: Không
 - Tỷ lệ nắm giữ của Vietjet: 100%
 - Tình hình hoạt động: Còn hoạt động
- ❖ **Công ty TNHH Galaxy Pay**
- Địa chỉ: Tòa nhà Vietjet Plaza, số 60A Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - Giấy chứng nhận ĐKDN: 0316368255 ngày 8 tháng 7 năm 2020
 - Ngành nghề kinh doanh: Cung cấp dịch vụ thanh toán (thanh toán trực tuyến, ví điện tử)
 - Vốn điều lệ đăng ký: 50 tỷ đồng
 - Tỷ lệ nắm giữ của Vietjet: 100%
 - Tình hình hoạt động: đang hoạt động
- ❖ **Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Vietjet**
- Địa chỉ: 302/3 phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 - Giấy chứng nhận ĐKDN: số 0109783334 ngày 19 tháng 10 năm 2021
 - Ngành nghề kinh doanh: cung cấp các dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho ngành vận chuyển hàng không.
 - Vốn điều lệ đăng ký: 100 tỷ đồng
 - Tỷ lệ nắm giữ của Vietjet: 100%
 - Tình hình hoạt động: Còn hoạt động
- ❖ **Skymate Limited**
- Địa chỉ: Cayman Islands
 - Giấy chứng nhận ĐKDN: 327015 ngày 15 tháng 9 năm 2017
 - Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh và cho thuê tàu bay
 - Vốn điều lệ đăng ký: Không
 - Tỷ lệ nắm giữ của Vietjet: 100%
 - Tình hình hoạt động: Còn hoạt động
- ❖ **CTCP Swift 247**
- Địa chỉ: Tầng 6, Tòa Nhà Vietjet Plaza, 60A Trường Sơn, Phường 2, Quận

Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Giấy chứng nhận ĐKDN: số 0315524536 ngày 23 tháng 02 năm 2019
- Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động, dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
- Vốn điều lệ đăng ký: 47 tỷ đồng
- Tỷ lệ nắm giữ của Vietjet: 67%
- Tình hình hoạt động: Còn hoạt động

❖ **CTCP VietjetAir Cargo**

- Địa chỉ: Lầu 12, Tòa nhà Hải Âu, 39B Trường Sơn, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp.HCM, Việt Nam
- Giấy chứng nhận ĐKDN: 0312759089 ngày 27 tháng 8 năm 2014
- Ngành nghề kinh doanh: Cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa và các dịch vụ hỗ trợ liên quan
- Vốn điều lệ đăng ký: 10 tỷ đồng
- Tỷ lệ nắm giữ của Vietjet: 64%
- Tình hình hoạt động: Còn hoạt động

2.4.2. Công ty liên kết (số lượng: 02)

❖ **CTCP Nhà ga quốc tế Cam Ranh**

- Địa chỉ: Việt Nam
- Giấy chứng nhận ĐKDN: 4201676638 ngày 5 tháng 02 năm 2016
- Ngành nghề kinh doanh: Cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho ngành vận chuyển hàng không
- Vốn điều lệ đăng ký: 750 tỷ đồng
- Tỷ lệ nắm giữ của Vietjet: 10%
- Tình hình hoạt động: Còn hoạt động

❖ **Thai Vietjet Air JSC Ltd.**

- Địa chỉ: Thái Lan
- Giấy chứng nhận ĐKDN: 0105556100551 ngày 25 tháng 6 năm 2013
- Ngành nghề kinh doanh: Cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa và hành khách và các dịch vụ liên quan khác.
- Vốn điều lệ đăng ký: 177 tỷ đồng
- Tỷ lệ nắm giữ của Vietjet: 9%
- Tình hình hoạt động: Còn hoạt động

3. Thông tin về Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

3.1. Hội đồng Quản trị

- a) Danh sách các thành viên HĐQT của Tổ chức phát hành tính đến ngày lập Bản Công bố thông tin bao gồm:

| TT | Họ và tên | Chức vụ |
|----|---------------------------|--|
| 1 | Bà Nguyễn Thị Phương Thảo | Chủ tịch HĐQT |
| 2 | Ông Donal Joseph Boylan | Phó Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT độc lập |
| 3 | Ông Nguyễn Anh Tuấn | Phó Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT độc lập |
| 4 | Bà Nguyễn Thanh Hà | Phó Chủ tịch HĐQT |
| 5 | Ông Đinh Việt Phương | Thành viên HĐQT |
| 6 | Ông Nguyễn Thanh Hùng | Thành viên HĐQT |
| 7 | Ông Chu Việt Cường | Thành viên HĐQT |
| 8 | Ông Lưu Đức Khánh | Thành viên HĐQT |
| 9 | Bà Hồ Ngọc Yến Phương | Thành viên HĐQT |

b) Tóm tắt sơ yếu lý lịch của từng thành viên HĐQT như sau:

1. Bà Nguyễn Thị Phương Thảo – Chủ tịch HĐQT

- Họ và Tên: Nguyễn Thị Phương Thảo
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 07/06/1970
- Địa chỉ thường trú: 52 Ngô Thị Nhậm, phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Số CMND/Hộ chiếu: 024170018546 - Cấp ngày: 08/12/2021 - Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số điện thoại: (84-28) 3547 1866
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Học viện Mendeleev, Cử nhân Học viện Thương mại Matxcova, Ủy viên sáng lập Viện Hàn Lâm Nghiên cứu Hệ thống Liên bang Nga.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Xem nội dung Quá trình công tác
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức vụ | Đơn vị công tác |
|------------------|--------------------------------|----------------------------------|
| 2003 – nay | Phó chủ tịch Hội đồng quản trị | Ngân hàng TMCP Phát triển Tp.HCM |
| 2005 – nay | Thành viên Ban Chấp hành | Hội hữu nghị Việt Nga |
| 1/2005 - 12/2005 | Cố đồng - Sáng lập viên | Ngân hàng TMCP Quốc tế |
| 1/2006 - 12/2006 | Cố đồng – Thành viên HĐQT | Ngân hàng TMCP Techcombank |

| | | |
|---------------|---|---------------------------------------|
| 11/2008 - nay | Chủ tịch | Công ty Cổ phần Sovico |
| 2016 – nay | Chủ tịch Hội đồng thành viên | Công ty TNHH Đầu tư Hướng Dương Sunny |
| 2007 - 4/2023 | Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc | Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet |
| 4/2023 - nay | Chủ tịch Hội đồng Quản trị | Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet |

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 88.576.914 cổ phần, chiếm 16,35% vốn điều lệ.
 - + Đại diện sở hữu: 41.106.000 cổ phần, chiếm 7,59% vốn điều lệ.
 - + Cá nhân sở hữu: 47.470.914 cổ phần, chiếm 8,76% vốn điều lệ.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

| Họ tên | Mối quan hệ | Số lượng CP nắm giữ | Tỷ lệ sở hữu |
|------------------------------|-------------|---------------------|--------------|
| Nguyễn Phước Hùng Anh Victor | Con | 69.145 | 0,01% |
| Nguyễn Cảnh Sơn | Em trai | 895.587 | 0,17% |
| Tổng cộng | | 964.732 | 0,18% |

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao Hội đồng Quản trị theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

2. Ông Donal Joseph Boylan – Phó Chủ tịch HĐQT - Thành viên HĐQT độc lập

- Họ và Tên: Donal Joseph Boylan
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 25/6/1963
- Địa chỉ thường trú: Cnocan, Ballyduff, Barefield, Ennis, County Clare, Ireland
- Số Hộ chiếu: LB02870973 Cấp ngày: 18/5/2017 Nơi cấp: Dublin
- Quốc tịch: Irish
- Số điện thoại: (84-28) 3547 1866
- Trình độ chuyên môn: Bachelor of Engineering (University College Dublin); Certificates in Management Accounting, Marketing and Leadership (Open University); Leadership Excellence Programs (Harvard School of Business)
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Xem nội dung Quá trình công tác

- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức vụ | Đơn vị công tác |
|--------------|---|------------------------------------|
| 2001 - 2009 | Head of Aerospace & Defense | Royal Bank of Scotland |
| 2009 - 2011 | Director | Odyssey Aviation |
| 2010 - 2016 | Non-Executive Chairman | Niche Group Plc |
| 2011 - 2016 | CEO | Hong Kong Aviation Capital |
| 2016 - 2018 | CEO | Bohai Leasing Co., Ltd |
| 2018 - nay | Partner | BCAP Partners |
| 2019 - nay | Thành viên HĐQT độc lập | Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet |
| 5/2022 - nay | Phó Chủ tịch HĐQT – Thành viên HĐQT độc lập | Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet |

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ .
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao Hội đồng Quản trị theo nghị quyết của ĐHCĐ.

3. Ông Nguyễn Anh Tuấn – Phó Chủ tịch HĐQT - Thành viên HĐQT độc lập

- Họ và Tên: Nguyễn Anh Tuấn
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 09/09/1960
- Địa chỉ thường trú: Số 36A Lý Nam Đế, Hà Nội
- Số CMND: 001060035987 Cấp ngày: 24/6/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số điện thoại: (84-28) 3547 1866
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế Học viện Kinh tế Colorado (Hoa Kỳ), Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Đại học Hawaii, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Viện Công nghệ Châu Á - AIT.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Xem nội dung Quá trình công tác

- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức vụ | Đơn vị công tác |
|--------------|---|---|
| 1978 - 1990 | Thượng úy P8/A13 | Bộ Nội vụ |
| 1990 - 1996 | Chuyên viên | Công ty Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu |
| 1997 | Chuyên viên | Công ty Dịch vụ Kỹ thuật dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam |
| 1997 - 1998 | Phụ trách Phòng Kế hoạch Đầu tư | Công ty Bảo hiểm Dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam |
| 1998 - 2006 | Phó Giám đốc | Công ty Bảo hiểm Dầu khí |
| 2006 - 2007 | Tổng Giám đốc | Công ty Bảo hiểm Dầu khí |
| 2007 - 2008 | Ủy viên HĐQT/Tổng Giám đốc | Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam |
| 2009 - 2011 | Chủ tịch HĐQT | Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam |
| 2011 - 2019 | Chủ tịch HĐQT PVI kiêm Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Bảo hiểm PVI, CTCP PVI | Công ty Cổ phần PVI (chuyển đổi từ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam), Tập đoàn Dầu khí Việt Nam |
| 2019 - 2020 | Thành viên HĐQT PVI (từ tháng 03/2019), Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI (từ tháng 05/2020 đến 02/2021), Thành viên HĐQT PVIRE | Công ty Cổ phần PVI – PVI Holdings |
| 2020 - nay | Phó Chủ tịch Công ty | Công ty Bảo hiểm HDI, Tập đoàn SOVICO |
| 5/2022 - nay | Thành viên HĐQT độc lập | Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet |
| 4/2023 - nay | Phó Chủ tịch HĐQT | Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet |

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ .

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao Hội đồng Quản trị theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

4. Bà Nguyễn Thanh Hà – Phó Chủ tịch HĐQT

- Họ và Tên: Nguyễn Thanh Hà
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 13/08/1950
- Địa chỉ thường trú: 91 Lý Nam Đế, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.
- Số CMND/Hộ chiếu: 001150010179 Cấp ngày: 13/4/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số điện thoại: (84-28) 3547 1866
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế, Cử nhân Vật lý Đại học Hà Nội, Cử nhân Kinh tế Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Xem nội dung Quá trình công tác
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức vụ | Đơn vị công tác |
|---------------|---|--|
| 1975 - 1978 | Trưởng phòng Tổ chức Lao động Tiền lương - Nhà máy sản xuất bán dẫn | Bộ Quốc phòng |
| 1995 - 1998 | Trưởng ban Kế hoạch đầu tư | Tổng Công ty Hàng không Việt Nam |
| 1999 - 2000 | Trưởng ban Kế hoạch đầu tư | Cục Hàng không Dân dụng Việt Nam |
| 2001 - 2005 | Cục phó | Cục Hàng không Dân dụng Việt Nam |
| 2007 - 4/2023 | Chủ tịch HĐQT | Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet |
| 4/2023 - nay | Phó Chủ tịch HĐQT | Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet (Từ ngày 6/4/2023 – 25/3/2023, Bà Nguyễn Thanh Hà đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT) |

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 297.984 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ.
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- + Cá nhân sở hữu: 297.984 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

| Họ tên | Mối quan hệ | Số lượng CP nắm giữ | Tỷ lệ sở hữu |
|-------------|-------------|---------------------|--------------|
| Lê Việt Anh | Con | 102 | 0.000018% |
| Tổng cộng | | 102 | 0.000018% |

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao Hội đồng Quản trị theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

5. Ông Đinh Việt Phương – Thành viên HĐQT

- Họ và Tên: Đinh Việt Phương
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 19/02/1969
- Địa chỉ thường trú: H7tt3 Bt-24, KTT Kdt Tây Hồ Tây, P. Xuân Tảo, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.
- Số CMND: 001069000351 Cấp ngày: 14/7/2022 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số điện thoại: (84-28) 3547 1866
- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Vận tải Học viện Quốc gia Matxcova, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh CFVG của Pháp tại Việt Nam, Kỹ sư của Đại học Hàng hải Việt Nam.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Xem nội dung Quá trình công tác
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức vụ | Đơn vị công tác |
|-------------------|--|---|
| 1991- 2006 | Phó Tổng Giám đốc phụ trách công tác đầu tư | Công ty Cổ phần Sovico |
| 2006 - 2012 | Phó Tổng Giám đốc – Thành viên Hội đồng quản trị | Tổng Cty công nghiệp ô tô Việt Nam (Vinamoto) – Bộ GTVT |
| 08/2012 - 04/2017 | Phó Tổng Giám đốc phát triển kinh doanh | Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet |

| | | |
|-------------------|---|------------------------------------|
| 04/2017 - 09/2020 | Phó Tổng Giám đốc phát triển kinh doanh – Thành viên HĐQT | Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet |
| 2017 - nay | Thành viên HĐQT | Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet |
| 10/2020 - 4/2023 | Phó Tổng Giám đốc Thường trực – Giám đốc điều hành | Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet |
| 4/2023 - nay | Tổng Giám đốc | Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet |

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 657.000 cổ phần, chiếm 0,12% vốn điều lệ.
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
+ Cá nhân sở hữu: 657.000 cổ phần, chiếm 0,12% vốn điều lệ.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao Hội đồng Quản trị theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

6. Ông Nguyễn Thanh Hùng – Thành viên HĐQT

- Họ và Tên: Nguyễn Thanh Hùng
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 15/04/1967
- Địa chỉ thường trú: 65/2 Thủ Khoa Huân, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM
- Số CMND: 020788366 Cấp ngày: 18/02/2008 Nơi cấp: Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số điện thoại: (84-28) 3547 1866
- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ chuyên ngành tự động hóa từ Viện hàn lâm Khoa học Liên Bang Nga. Kỹ sư Điện tử trường Đại học Tổng hợp Kharkov của Ukraina.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Xem nội dung Quá trình công tác
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức vụ | Đơn vị công tác |
|------------|---------------------------------------|-----------------------------------|
| 2003 - nay | Phó chủ tịch Hội đồng quản trị | Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. HCM |
| 2006 - nay | Thành viên Hội đồng tư vấn kinh doanh | APEC (ABAC) |

| | | |
|---------------|--------------------------------|--|
| 2007 - nay | Chủ tịch sáng lập | Công ty Cổ phần SOVICO |
| 2016 - nay | Chủ tịch Hội đồng thành viên | Công ty TNHH Đầu tư Hương Dương Sunny |
| 2007 - 5/2022 | Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị | Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet |
| 5/2022 - nay | Thành viên Hội đồng Quản trị | Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet |

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 5.358.076 cổ phần, chiếm 0,99% vốn điều lệ.
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- + Cá nhân sở hữu: 5.358.076 cổ phần, chiếm 0,99% vốn điều lệ.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

| Họ tên | Mối quan hệ | Số lượng CP nắm giữ | Tỷ lệ sở hữu |
|---------------------------------|-------------|---------------------|--------------|
| Nguyễn Phước Hùng Anh Victor | Con | 69.145 | 0,01% |
| Nguyễn Cảnh Sơn | Em trai | 895.587 | 0,17% |
| Tổng cộng | | 964.732 | 0,18% |

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao Hội đồng Quản trị theo nghị quyết ĐHĐCĐ

7. Ông Chu Việt Cường – Thành viên HĐQT

- Họ và Tên: Chu Việt Cường
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 18/11/1961
- Địa chỉ thường trú: Nhà 48 ngõ 133 phố Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội
- Số CMND/Hộ chiếu: 011660837 Cấp ngày: 29/03/2005 Nơi cấp: Công an Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số điện thoại: (84-28) 3547 1866
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế Quốc tế Đại học Sussex (Anh), Thạc sỹ Đại học Tổng hợp Kharkov (Ukraine), Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – MIT (Hoa Kỳ).
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Xem nội dung Quá trình công tác

- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức vụ | Đơn vị công tác |
|-------------------|--|--|
| 09/1987 - 05/1992 | Cán bộ | Bộ Thương Mại |
| 06/1992 - 06/1994 | Research Fellow | Viện Chiến lược Đông Nam Á, Singapore |
| 07/1994 - 09/1995 | Trợ lý Tổng Giám đốc | Tập đoàn Marubeni Nhật Bản |
| 08/1996 - 08/1999 | Phó Tổng Giám đốc | Trung tâm Phát triển Kinh tế - Xã hội Việt Nam |
| 01/2001 - 05/2006 | Giám đốc Khối E-Banking & Retail Banking | Ngân hàng ANZ |
| 05/2006 - 09/2008 | Tổng Giám đốc | BNP Paribas – Prevoir JV |
| 09/2008 - 09/2009 | Phó Tổng Giám đốc | Prudential Assurance LTD |
| 04/2012 - nay | Thành viên Hội đồng Quản trị | Công ty Cổ phần Vinafreight |
| 11/2009 - nay | Phó Tổng Giám đốc điều hành | Công ty Cổ phần Sovico |
| 04/2014 - nay | Thành viên Hội đồng quản trị | Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM |
| 04/2011 - nay | Thành viên Hội đồng quản trị | Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet |

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 68.000 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ.
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- + Cá nhân sở hữu: 68.000 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao Hội đồng Quản trị theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

8. Ông Lưu Đức Khánh – Thành viên HĐQT

- Họ và Tên: Lưu Đức Khánh
- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 02/09/1960
- Địa chỉ thường trú: 617/41A Nguyễn Kiệm, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM
- Số CMND: 022326659 Cấp ngày: 04/02/2009 Nơi cấp: Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số điện thoại: (84-28) 3547 1866
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Quốc tế Đại học New England, Thạc sĩ Ngân hàng, Cử nhân Kinh tế Đại Học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Xem nội dung Quá trình công tác
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức vụ | Đơn vị công tác |
|-------------------|-------------------------------------|---|
| 1984 - 1987 | | Quân đội |
| 1987 - 01/1995 | Phó Tổng Giám đốc | Công ty CCL Saigon |
| 01/1995 - 08/1995 | Giám đốc DV TM | Ngân hàng Vietcombank |
| 08/1995 - 02/2006 | Giám đốc Chiến lược | HSBC Bank Viet Nam |
| 02/2006 - 11/2006 | Phó Tổng Giám đốc | Ngân hàng Techcombank |
| 12/2006 - 11/2008 | Tổng Giám đốc | Ngân hàng TMCP An Bình |
| 11/2008 - 12/2009 | Tổng Giám đốc Điều hành | Công ty Cổ phần Sovico |
| 12/2009 - 12/2010 | Chủ tịch HĐQT kiêm TGD | Công ty CP Điện máy- Máy tính Viễn Thông Hợp Nhất |
| 1/1/2011 - nay | Phó Chủ tịch HĐQT (chuyên trách) | Ngân hàng TMCP Phát triển Tp.HCM |
| 04/2011 - 09/2020 | Giám đốc Điều hành, Thành viên HĐQT | Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet |
| 04/2011 - nay | Thành viên HĐQT | Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet |

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 904.440 cổ phần, chiếm 0,17% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
+ Cá nhân sở hữu: 904.440 cổ phần, chiếm 0,17% vốn điều lệ.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao Hội đồng Quản trị theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

9. Bà Hồ Ngọc Yến Phương – Thành viên HĐQT

- Họ và Tên: Hồ Ngọc Yến Phương
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 25/10/1967
- Địa chỉ thường trú: 42 Trần Cao Vân, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Hồ Chí Minh
- Số CMND: 051167000211 Cấp ngày: 10/7/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về Trật tự xã hội.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số điện thoại: (84-28) 3547 1866
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính Kế toán Quốc tế Đại học Swinburne - Australia. Cử nhân Ngành Kế toán XNK tại Đại học Ngoại thương. Cùng với chứng chỉ Kế toán trưởng, chứng chỉ Kế toán Mỹ, chứng chỉ The Linkage 20 Conversations for Leadership cấp bởi Đại học Havard, chứng chỉ Thị trường Vốn, Chứng khoán và chứng chỉ Nghiệp vụ XNK.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Xem nội dung Quá trình công tác
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức vụ | Đơn vị công tác |
|-----------------|--|--|
| 2000 - 2003 | Finance Controller | Công ty Holcim Việt Nam |
| 2003 - 2007 | Giám đốc Tài chính | Công ty S-Telecom |
| 2007 - 6/2008 | Giám đốc Tài chính (CFO) | Tổng Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí |
| 7/2008 - 6/2016 | Phó Tổng Giám đốc kiêm CFO | Tổng Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí |
| 6/2016- 7/2018 | Trưởng Ban tài chính kiêm Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị | Tập đoàn Dầu khí Tổng Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí Công ty TNHH MTV Khoan Dầu khí nước sâu |
| 8/2018 - nay | Phó Tổng Giám đốc - CFO | Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet |
| 4/2023 - nay | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc - CFO | Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet |

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao Hội đồng Quản trị theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

3.2. Ban Tổng Giám đốc

3.2.1. Ban Điều hành

a). Danh sách Ban Điều hành tính đến ngày lập Bản Công bố thông tin, bao gồm:

| TT | Họ và tên | Chức vụ |
|----|-----------------------|-----------------------------|
| 1 | Ông Đinh Việt Phương | Tổng Giám đốc |
| 2 | Ông Michael Hickey | Phó Tổng Giám đốc Khai thác |
| 3 | Bà Hồ Ngọc Yến Phương | Phó Tổng Giám đốc - CFO |
| 4 | Ông Nguyễn Thanh Sơn | Phó Tổng Giám đốc |
| 5 | Ông Tô Việt Thắng | Phó Tổng Giám đốc |

b) Tóm tắt sơ yếu lý lịch của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc như sau:

1. Ông Đinh Việt Phương – Tổng Giám đốc

Vui lòng xem thông tin về Ông Đinh Việt Phương được nêu tại mục 3.1.b.5 của phần giới thiệu về HĐQT.

2. Ông Michael Hickey - Phó Tổng Giám đốc Khai thác

- Họ và Tên: Michael Hickey
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 13/03/1963
- Địa chỉ thường trú: Hacketstown, Rush Road, Skerries, County Dublin Ireland
- Thẻ căn cước số: LT0538815 Cấp ngày: 27/11/2019 Nơi cấp: Ireland
- Quốc tịch: Ireland
- Số điện thoại: (84-28) 3547 1866
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ
- Quá trình công tác: Từng là Giám đốc Điều hành cấp cao tại Ryanair trong hơn 30 năm từ ngày thành lập hãng cho đến khi phát triển thành một trong những hãng bay chi phí thấp an toàn nhất thế giới. Trong nhiệm kỳ điều hành của Ông Michael Hickey, Ryanair chứng kiến sự mở rộng và tăng trưởng vượt bậc, đặc biệt là về đội bay. Cùng với Ryanair, Ông Michael Hickey đã tham gia vào nhiều dự án trọng điểm như bảo dưỡng, kỹ thuật, hợp

đồng mua bán, cho thuê tàu bay, động cơ, tổ chức đào tạo nhân sự cấp cao, phát triển hạ tầng, cơ sở huấn luyện cho mọi nghiệp vụ của hãng hàng không.

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

3. Bà Hồ Ngọc Yến Phương - Phó Tổng Giám đốc – CFO

Vui lòng xem thông tin về Bà Hồ Ngọc Yến Phương được nêu tại mục 3.1.b.9 của phần giới thiệu về HĐQT.

4. Ông Nguyễn Thanh Sơn – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và Tên: Nguyễn Thanh Sơn
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 04/11/1971
- Địa chỉ thường trú: LL1F Tam Đảo, Cư Xá Bắc Hải, P.15, Q.10, HCM
- Số CMND : 023064884 Cấp ngày: 12/12/2012 Nơi cấp: Công an TP. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số điện thoại: (84-28) 3547 1866
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh và các Chứng chỉ về lãnh đạo, huấn luyện, tư duy sáng tạo.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Xem nội dung Quá trình công tác
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức vụ | Đơn vị công tác |
|-------------|------------------------------|---|
| 1997 - 2005 | Giám đốc Thương mại | Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines |
| 2007 | Trưởng phòng bán | Qatar Airways Company Q.C.S.C. |
| 2007 - 2011 | Trưởng phòng bán & phân phối | Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines |
| 2011 - 2018 | Giám đốc Thương mại | Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet |
| 2018 - nay | Phó Tổng Giám đốc | Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet |

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 71.000 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ .
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

- + Cá nhân sở hữu: 71.000 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

5. Ông Tô Việt Thắng – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và Tên: Tô Việt Thắng
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/03/1968
- Địa chỉ thường trú: 13-K1, Tổ 45, Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
- Số CMND: 011227130 Cấp ngày: 09/01/2009 Nơi cấp: Thành phố Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số điện thoại: Số điện thoại: (84-28) 3547 1866
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hàng không (loại giỏi) Đại học Kỹ thuật Cộng hòa Séc, Chứng chỉ của IATA, Lufthansa và AQS về an toàn, an ninh, quản trị hãng hàng không và quản lý đảm bảo chất lượng.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Xem nội dung Quá trình công tác
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức vụ | Đơn vị công tác |
|-------------------|--|------------------------------------|
| 06/1995 - 09/1996 | Chuyên viên Ban kỹ thuật | Tổng Công ty Hàng không Việt Nam |
| 09/1996 - 12/1999 | Chuyên viên Đảm bảo chất lượng | Tổng Công ty Hàng không Việt Nam |
| 12/1999 - 10/2004 | Phó phòng Tiêu chuẩn chất lượng | Tổng Công ty Hàng không Việt Nam |
| 10/2004 - 07/2008 | Trưởng phòng Tiêu chuẩn chất lượng | Tổng Công ty Hàng không Việt Nam |
| 07/2008 - 04/2009 | Phó Giám đốc Quản lý chất lượng | Tổng Công ty Hàng không Việt Nam |
| 04/2009 - 05/2014 | Phó Giám đốc An toàn – An ninh và Đảm bảo chất lượng | Tổng Công ty Hàng không Việt Nam |
| 05/2014 - 03/2018 | Phó Tổng giám đốc phụ trách An toàn Chất lượng An ninh | Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet |

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 138.500 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ .
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Cá nhân sở hữu: 138.500 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

3.2.2. Các PTGD phụ trách chuyên môn

a) Danh sách các PTGD phụ trách chuyên môn tính đến ngày lập Bản Công bố thông tin, bao gồm:

| TT | Họ và tên | Chức vụ |
|----|-------------------------|-------------------|
| 1 | Ông Lương Thế Phúc | Phó Tổng Giám đốc |
| 2 | Bà Nguyễn Thị Thúy Bình | Phó Tổng Giám đốc |
| 3 | Ông Nguyễn Thái Trung | Phó Tổng Giám đốc |
| 4 | Ông Đỗ Xuân Quang | Phó Tổng Giám đốc |
| 5 | Ông Nguyễn Đức Thịnh | Phó Tổng Giám đốc |

1. Ông Lương Thế Phúc – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và Tên: Lương Thế Phúc
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 27/08/1948
- Địa chỉ thường trú: B9-01 RiverSide, Phú Mỹ Hưng, Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM.
- Số CMND/Hộ chiếu: 023505072 Cấp ngày: 16/2/2004 Nơi cấp: Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số điện thoại: (84-28) 3547 1866
- Trình độ chuyên môn: Ông được đào tạo làm Phi công quân sự tại trường đào tạo phi công Liên bang Nga. Ông tốt nghiệp Học viện Quốc Phòng, Cử nhân Quản trị Kinh doanh từ Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, và các khóa đào tạo từ Trường kinh tế INSEAD, Pháp.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Xem nội dung Quá trình công tác
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức vụ | Đơn vị công tác |
|---------------|---|---|
| 1965 - 1992 | Phi công chiến đấu, Trung đoàn trưởng Không quân, Sư đoàn trưởng Không quân, Giám đốc Học viện không quân | Quân chủng Không quân Việt Nam |
| 1993 - 2009 | Phó Tổng Giám đốc thường trực | Tổng Công ty Hàng không Việt Nam |
| 1996 - 2005 | Chủ tịch Hội đồng Quản trị | Công ty Cổ phần Hàng không Jetstar Pacific Airlines |
| 12/2011 - nay | Phó Tổng giám đốc | Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet |

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Bình – Phó Tổng Giám Đốc

- Họ và Tên: Nguyễn Thị Thúy Bình



- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 02/02/1973
- Địa chỉ thường trú: F201 C15, TT Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội
- Số CMND: 011832723 Cấp ngày: 19/05/2010 Nơi cấp: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số điện thoại: (84-28) 3547 1866
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD Đại học Libre De Bruxelles, Cử nhân Đại học Bách khoa Hà Nội, Cử nhân Đại học Ngoại ngữ Hà Nội.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Xem nội dung Quá trình công tác
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức vụ | Đơn vị công tác |
|-------------|---|--|
| 1995 - 2002 | Trưởng phòng xử lý dữ liệu điện tử | Công ty Cổ phần Truyền thông Những Trang Vàng Việt Nam |
| 2002 - 2003 | Phụ trách khối Phát triển sản phẩm và công nghệ thông tin | Công ty Cổ phần Truyền thông Những Trang Vàng Việt Nam |
| 2003 - 2007 | Phó Tổng giám đốc, Thành viên HĐQT | Công ty Cổ phần Truyền thông Những Trang Vàng Việt Nam |
| 2008 - 2009 | Phó Tổng Giám đốc Thương mại | Công ty Cổ phần Hàng không Jetstar Pacific |
| 2009 - 2010 | Chuyên gia Tư vấn Dự án Phát triển Hàng không | Sovico Holdings |
| 2011 - 2013 | Phó Tổng Giám đốc Phát triển chiến lược | Goldsun Focus Media |
| 2013 – nay | Phó Tổng Giám đốc | Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet |
| 2016 - 2020 | Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc | Công ty Cổ phần Hàng không Thái Vietjet |
| 2020 – nay | Chủ tịch HĐQT | Công ty Cổ phần Hàng không Thái Vietjet |

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 150.000 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ.
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- + Cá nhân sở hữu: 150.000 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

3. Ông Nguyễn Thái Trung – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

- Họ và Tên: Nguyễn Thái Trung
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 01/10/1960
- Địa chỉ thường trú: 200 Nguyễn Sơn, Quận Long Biên, TP. Hà Nội
- Số CCCD: 023472017 Cấp ngày: 06/11/2012 Nơi cấp: Công an TP. HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số điện thoại: (84-28) 3547 1866
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Lái chính máy bay, Từng đảm nhiệm nhiều chức vụ như: Phó Ban điều hành bay; Trưởng Trung tâm huấn luyện bay, Trưởng Ban An toàn - Chất lượng – An ninh; Giám đốc Công ty bay dịch vụ hàng không (VASCO); PTGD phụ trách lĩnh vực an toàn bay của Vietnam Airlines.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Xem nội dung Quá trình công tác
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức vụ | Đơn vị công tác |
|-------------------|--|--|
| 12/1995 - 6/1996 | Phó đội trưởng Đội A320 và Trưởng phòng Điều hành bay phía Nam | Đoàn bay 919 |
| 7/1996 - 10/1997 | Kiểm đội phó Đội bay A320 | Đoàn bay 919 |
| 11/1997 - 6/2003 | Phó ban Điều hành bay kiêm trưởng phòng Đảm bảo khai thác | Ban điều hành bay |
| 7/2003 - 4/2009 | Kiểm Ủy viên HĐQT | Công ty cổ phần đào tạo Bay Việt |
| 8/2012 - 3/2016 | Giám đốc Chi nhánh | Tổng công ty HKVN - Công ty Bay Dịch vụ hàng không |
| 04/2016 - 04/2017 | Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc | Công ty Cổ phần Hàng không Skyviet |
| 4/2017 - 08/2018 | Thành viên HĐQT | Công ty Cổ phần Hàng không Skyviet |
| 4/2017 - 11/2020 | Phó Tổng Giám đốc | Tổng Công ty Hàng không Việt Nam |
| 06/2022 – nay | Phó Tổng Giám đốc | Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet |

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

4. Ông Đỗ Xuân Quang – Phó Tổng Giám Đốc

- Họ và Tên: Đỗ Xuân Quang
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 25/10/1962
- Địa chỉ thường trú: 18 Đặng Thị Nhu, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP. HCM
- Số CMND/Hộ chiếu: 023008677 Cấp ngày: 12/3/2013 Nơi cấp: Công an TP. HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số điện thoại: (84-8) 3547 1866
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD Đại học Kishinev (Hà Lan), Thạc sĩ Luật Viện Nhà nước và Pháp luật, Cử nhân Luật Đại học Tổng hợp Quốc gia Kishinev.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Xem nội dung Quá trình công tác
- Quá trình công tác: Không có

| Thời gian | Chức vụ | Đơn vị công tác |
|-------------|--------------------------------|---|
| 1994 – 2000 | Giám đốc vận chuyển hàng không | Tổng Công ty Vinatrans trực thuộc Bộ Thương mại |
| 2000 – 2004 | Phó Tổng Giám Đốc | Công ty Cổ phần Vinafreight |
| 2004 – 2014 | Tổng Giám đốc | Công ty Vector Aviation |
| 2009 – 2014 | Chủ tịch HĐQT | Công ty Cổ phần Vinafreight |
| 2012 – 2015 | Chủ tịch | Hiệp hội giao nhận vận tải Đông Nam Á (AFFA) |
| 2018 – nay | Phó Tổng Giám đốc | Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet |

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 20.240 cổ phần, chiếm 0,004% vốn điều lệ.
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

+ Cá nhân sở hữu: 20.240 cổ phần, chiếm 0,004% vốn điều lệ.

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

5. Ông Nguyễn Đức Thịnh – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và Tên: Nguyễn Đức Thịnh
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 19/10/1961
- Địa chỉ thường trú: 303 D1 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội
- Số CMND/Hộ chiếu: 011790109 Cấp ngày: 31/03/2008 Nơi cấp: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số điện thoại: (84-28) 3547 1866
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ về Kỹ thuật Hàng không dân dụng, Thạc sĩ QTKD và các Chứng chỉ về kỹ thuật hàng không của IATA và các Chứng chỉ về lãnh đạo và chuyên ngành hàng không
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Xem nội dung Quá trình công tác
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức vụ | Đơn vị công tác |
|--------------|------------------------------------|------------------------------------|
| 1985 – 1988 | Kỹ sư bảo trì, bảo dưỡng | Không quân Việt Nam |
| 1989 - 1993: | Chuyên gia Kỹ thuật, Kỹ sư bảo trì | Tổng Công ty Hàng không Việt Nam |
| 1993 – 2014 | Phó Giám đốc Kỹ thuật | Tổng Công ty Hàng không Việt Nam |
| 2014 – nay | Phó Tổng Giám đốc | Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet |

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 414.000 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ.
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- + Cá nhân sở hữu: 414.000 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

3.3. Kế Toán trưởng

- Họ và Tên: Nguyễn Thị Thanh Nga
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 19/10/1979
- Địa chỉ thường trú: 109/10 Nguyễn Thượng Hiền, P.05, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- Số CMND: 001179021717 Cấp ngày: 26/05/2023 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về Trật tự xã hội.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính Doanh Nghiệp
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Xem nội dung Quá trình công tác
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức vụ | Đơn vị công tác |
|-----------------------|---|---|
| 2001 – 2003 | Nhân viên Kế toán | Công ty Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary |
| 2003 – 2008 | Kế toán trưởng | Công ty CP Thực phẩm dinh dưỡng Đồng Tâm (Nutifood) |
| 2008 – 2009 | Kế toán trưởng | Công ty CP Truyền thông Vân Thanh Long |
| 2009 – 2012 | Chánh văn phòng (Phụ trách Quản lý dự án đầu tư và chiến lược phát triển) | Công ty CP Văn hóa Phương Nam (PNC) |
| 2012 – 2015 | Phó phòng Kế toán | Công ty TNHH Recess (Lazada Vietnam) |
| 2015 – 2019 | Kế toán trưởng (Thành viên Ban Giám Đốc, đại diện vốn nhà nước) | Công ty CP mua sắm tại nhà VTV-Hyundai |
| 2019 - 2020 | Kế toán trưởng | Công ty CP Phim Thiên Ngân (Galaxy Studio) |
| 2020 – 2022 | Trưởng phòng cao cấp kiểm soát Tài chính | Công ty CP Nova Consumer Distribution |
| 2/2023 - 04/2023 | Phó Giám đốc Phòng Kế toán | Công ty CP Hàng không Vietjet |
| 28/4/2023 – 23/7/2023 | Quyền Kế toán trưởng | Công ty CP Hàng không Vietjet |
| 24/7/2023 – nay | Kế toán trưởng | Công ty CP Hàng không Vietjet |

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có.

4. Tóm tắt hoạt động kinh doanh chính và các dự án chính đã/đang triển khai của doanh nghiệp phát hành.

Các hoạt động chính của Công ty và các công ty con là cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách và vận chuyển hàng hóa trên các tuyến đường bay nội địa và quốc tế và các hoạt động hỗ trợ liên quan và mua bán tàu bay và các bộ phận tàu bay.

4.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Vietjet là hãng hàng không đầu tiên tại Việt Nam vận hành theo mô hình hàng không thế hệ mới, chi phí tiết kiệm, linh hoạt và cung cấp đa dạng các dịch vụ cho khách hàng lựa chọn. Hiện Công ty đã và đang cung cấp các dịch vụ chủ yếu sau:

- Vận tải hàng không: vận tải hành khách, hàng hóa nội địa và quốc tế; quảng bá, tổ chức du lịch;
- Dịch vụ phụ trợ: chọn chỗ ngồi trên máy bay, đặt mua trước thức ăn, vận chuyển hành lý, kinh doanh các sản phẩm miễn thuế, bảo hiểm du lịch, xe đưa đón từ sân bay đến trung tâm, ...
- Hoạt động hỗ trợ trực tiếp vận tải hàng không: dịch vụ mặt đất, hỗ trợ kỹ thuật, bảo dưỡng máy bay định kỳ và không thường xuyên, dịch vụ cung cấp phụ tùng máy bay, dịch vụ cung cấp nhiên liệu máy bay;
- Kinh doanh máy bay: mua, bán máy bay; thuê, cho thuê máy bay; chuyển nhượng máy bay.

Trong đó, doanh thu từ các hoạt động phụ trợ như cung cấp dịch vụ hành lý, dịch vụ ưu tiên chọn chỗ ngồi, cung cấp suất ăn nóng và hàng hóa miễn thuế, quảng cáo trên tàu bay... có tỉ suất lợi nhuận rất tốt được định hướng là một trong những nguồn thu quan trọng của Vietjet trong các giai đoạn tiếp theo. Công ty còn có chiến lược đa dạng hóa các dịch vụ cung cấp cho hành khách trên chuyến bay nhằm tăng doanh thu phụ trợ trên mỗi hành khách và tăng tỉ trọng doanh thu phụ trợ trong tổng doanh thu hàng năm. Ngoài ra, Vietjet đã được Cục Hàng không cấp phép và đã tự thực hiện dịch vụ mặt đất tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài để chủ động trong hoạt động khai thác, giảm chi phí, tăng doanh thu phụ trợ tại sân bay cũng như nâng cao được chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng.

a) Hoạt động vận tải hàng không

Vietjet tập trung vào cung cấp các dịch vụ bay tầm ngắn và trung với tần suất cao trên các đường bay nội địa và quốc tế, và đã triển khai thành công mô hình LCC hiệu quả dựa trên cung cấp các dịch vụ chất lượng cao với mức giá cạnh tranh. Trong một thập kỷ, từ hãng hàng không tư nhân nhỏ lẻ, Vietjet đã phát triển mạnh mẽ, đuổi kịp hãng hàng không truyền thống lâu năm Vietnam Airlines. Trong năm 2022, Vietjet đã vươn lên vị trí top đầu thị trường nội địa, phục vụ chuyên chở gần 20,6 triệu lượt khách toàn mạng, chiếm 42% trong tổng số lượt khách hàng không của Việt Nam. Vietjet đã thực hiện hơn 116.000 chuyến bay, với hơn 225 nghìn giờ khai thác an toàn, hệ số sử dụng ghế đạt 85,3%, chỉ số đúng giờ (OTP) đạt gần 90%.

Kết quả hoạt động vận tải hàng không của Công ty năm 2019-2022

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Năm 2019 | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2022 |
|-----------------------------|------------|----------|----------|----------|----------|
| Đội tàu bay | chiếc | 78 | 71 | 76 | 75 |
| Mạng đường bay | tuyến | 129 | 47 | 85 | 140 |
| Số chuyến bay | chuyến | 137.835 | 76.097 | 40.805 | 116.261 |
| Lượt khách vận chuyển | triệu lượt | 23,7 | 12,1 | 5,4 | 20,6 |
| Hệ số sử dụng ghế bình quân | % | 81,9% | 74,2% | 70% | 85% |

Nguồn: Vietjet

Vietjet vận hành 75 tàu bay với tuổi tàu bay trung bình 6,7 năm, là đội tàu trẻ nhất khu vực với hiệu suất hoạt động cao và tiết kiệm nhiên liệu. Độ tin cậy kỹ thuật của đội bay Vietjet đạt 99,64%, thuộc nhóm các hãng hàng không có chỉ số an toàn khai thác dẫn đầu khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

b) Cơ cấu doanh thu hợp nhất của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2021 | Tỷ trọng | Năm 2022 | Tỷ trọng | Tỷ lệ tăng trưởng 2022/2021 |
|--|-------------------|---------------|-------------------|---------------|-----------------------------|
| Doanh thu vận tải hành khách | | | | | |
| - Nội địa | 1.989.321 | 15,5% | 10.927.622 | 27,2% | 449,3% |
| - Quốc tế bao gồm vận chuyển hành khách theo chuyến | 459.812 | 3,6% | 3.850.959 | 9,6% | 737,5% |
| - Doanh thu hoạt động phụ trợ và vận tải hàng hóa | 5.035.073 | 39,1% | 13.050.296 | 32,5% | 159,2% |
| Doanh thu từ cho thuê khô tàu bay | 1.315.130 | 10,2% | 1.561.242 | 3,9% | 18,7% |
| Doanh thu từ chuyển quyền sở hữu và thương mại tàu bay | 3.598.751 | 28,0% | 9.983.078 | 24,9% | 177,4% |
| Doanh thu từ bán động cơ | - | 0,0% | 420.189 | 1,0% | N/A |
| Doanh thu khác | 476.832 | 3,7% | 348.476 | 0,9% | -26,9% |
| Tổng cộng | 12.874.920 | 100,0% | 40.141.863 | 100,0% | 211,8% |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021 và năm 2022 của Vietjet

Doanh thu hợp nhất ghi nhận trên BCTC năm 2022 đạt 40.142 tỷ đồng, bao gồm doanh thu từ vận tải hành khách, doanh thu cho thuê khô tàu bay, doanh thu từ bán động cơ, doanh thu khác là 30.159 tỷ đồng và doanh thu từ chuyển quyền sở hữu, thương mại tàu bay đạt 9.983 tỷ đồng.

Vietjet tiếp tục là hãng hàng không giá rẻ dẫn đầu thị trường vận chuyển hành khách nội địa với 42% thị phần. Trong năm 2022, Vietjet đã vận chuyển 20,6 triệu lượt khách trên hơn 116.000 chuyến bay, trong đó doanh thu vận chuyển hành khách nội địa là yếu tố dẫn dắt phục hồi với số lượng hành khách nội địa tăng trưởng 20% so với năm 2019 và tỷ lệ lấp đầy đạt 85,3% - tăng 3,4% so với thời điểm trước dịch Covid-19. Tính đến 31/12/2022, Vietjet đã mở hơn 103 đường bay với hơn 20 đường bay mới, tập trung chủ yếu vào thị trường Ấn Độ, Australia, Kazakhstan, kết nối các trung tâm kinh tế - du lịch như New Delhi, Mumbai, Melbourne, Sydney, Hà Nội và Hồ Chí Minh.

Vietjet đã nỗ lực đa dạng hóa nguồn doanh thu vận tải hàng không thông qua mảng dịch vụ phụ trợ. Theo đó, các hoạt động doanh thu phụ trợ chủ yếu bao gồm doanh thu ký gửi hành lý và phụ phí, doanh thu vận chuyển hàng hóa, doanh thu bán hàng trên tàu bay (thức ăn, nước uống, đồ lưu niệm) và doanh thu quảng cáo. Trong năm 2022, Vietjet đã phát triển nguồn doanh thu hoạt động phụ trợ với doanh thu đạt 13.050 tỷ đồng, tăng 159.2% so với năm 2021 và cao hơn 15% mức doanh thu phụ trợ vào năm 2019 (11.305 tỷ đồng). Bên cạnh đó, Vietjet đã vận chuyển hơn 47 nghìn tấn hàng hóa, tăng 166% so với cùng kỳ năm 2021.

Nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, Vietjet đã cho ra mắt chương trình hội viên thân thiết SkyJoy, hành khách khi bay cùng Vietjet được tích điểm đổi quà và được tiếp cận các chương trình giờ vàng khuyến mãi mỗi ngày trên website. Vietjet đã gia tăng giá trị thương hiệu trên nền tảng chất lượng dịch vụ vượt trội và hạng vé đa dạng (hạng vé tiêu chuẩn Eco, hạng vé tiện ích Deluxe và hạng vé cao cấp SkyBoss); cung cấp các sản phẩm mới hỗ trợ hành khách như: Chương trình “Bay trước - trả sau”, gói nghỉ dưỡng bao gồm vé máy bay và hệ thống khách sạn lưu trú đa dạng; tập trung thúc đẩy kênh bán hàng trực tuyến và bán hàng qua hệ thống GDS (Global Distribution System).

Ngoài ra, nhằm tối ưu hoá hoạt động điều hành, Vietjet đã triển khai hệ thống SAP với mục tiêu thực hiện kết nối, hợp nhất các loại dữ liệu điều hành của Vietjet từ các hệ thống AIMS, AMOS, Airphase,..v.v...để hình thành một hệ dữ liệu hợp nhất giúp tiết kiệm chi phí, đảm bảo được tính minh bạch, cải tiến hiệu suất và tăng cường bảo mật trong quá trình hoạt động.

c) Kết quả lợi nhuận hợp nhất

| | <i>Đơn vị: triệu đồng</i> | |
|---|---------------------------|---------------------|
| | Năm 2021 | Năm 2022 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 12.874.920 | 40.141.863 |
| Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | (14.913.724) | (42.135.151) |
| (Lỗ)/lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | (2.038.804) | (1.993.288) |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 4.032.772 | 2.246.221 |
| Chi phí tài chính | (806.255) | (2.483.054) |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | (804.783) | (1.383.641) |
| Phần lỗ trong công ty liên kết | (42.271) | 0 |
| Chi phí bán hàng | (607.756) | (936.344) |

| | | |
|--|-----------------|--------------------|
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | (365.729) | (534.452) |
| (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 171.957 | (3.700.917) |
| Thu nhập khác | 16.202 | 1.316.105 |
| Chi phí khác | (7.779) | (263.847) |
| Lợi nhuận khác | 8.423 | 1.052.258 |
| Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế | 180.380 | (2.648.659) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành | (14.028) | (172.104) |
| Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại | (86.692) | 558.788 |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | 79.659 | (2.261.975) |

Trong bối cảnh thị trường hàng không nội địa đã hồi phục hoàn toàn, các quốc gia và địa phương đang dần dỡ bỏ các chính sách phong tỏa nghiêm ngặt sau đại dịch Covid-19, Vietjet tự hào là một trong số ít hãng hàng không giá rẻ trên thế giới bền bỉ chiến đấu vượt qua cơn bão để khôi phục và vươn cao trong năm 2022.

Trên đà hồi phục năm 2022 của ngành hàng không, cuộc xung đột của Nga - Ukraine và các lệnh trừng phạt của Mỹ và phương Tây áp đặt lên nước Nga đã mang đến vô số thách thức cho ngành hàng không nói chung và Vietjet nói riêng. Mặc dù doanh thu vận tải hàng không phục hồi tốt so với năm 2021, tăng hơn 272% từ 7.484 tỷ đồng lên 27.829 tỷ đồng trong năm 2022, các ảnh hưởng từ chiến tranh Nga - Ukraine và diễn biến tiêu cực của nền kinh tế toàn cầu dẫn đến chi phí nguyên vật liệu đầu vào - chi phí xăng dầu tăng đột biến từ mức giá bình quân 80 USD/thùng ở thời điểm trước dịch Covid-19 tăng lên 130 USD/thùng đến 160 USD/thùng. Ngoài ra, chi phí tài chính cũng tăng cao với lãi suất huy động tăng từ 5% lên 10% đã ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó, tình hình bất ổn kinh tế toàn cầu, lạm phát kỷ lục kéo dài... khiến nhu cầu đi lại bằng đường hàng không cho du lịch giải trí giảm, gây ảnh hưởng nặng nề đến kết quả hoạt động kinh doanh của Vietjet trong năm 2022. Theo đó, mặc dù kết quả doanh thu vận tải hàng không ghi nhận tăng trưởng tích cực đạt 272% so với cùng kỳ năm trước, tuy nhiên do các chi phí hoạt động tăng cao dẫn đến lỗ sau thuế âm 2.261 tỷ đồng.

Trong bối cảnh khó khăn đó, Vietjet đã kiểm soát chi phí hoạt động thông qua các chương trình cải tiến và các giải pháp tiết giảm chi phí và tối ưu hóa chi phí khai thác theo giờ. Để hạn chế tác động từ biến động giá nhiên liệu chiếm tới 40% tổng chi phí giá vốn, Vietjet đã thực hiện nhiều biện pháp hữu hiệu như: (1) Sử dụng đội tàu bay có mức tuổi bình quân thấp nhằm tối ưu hóa nhiên liệu tiêu hao, (2) Triển khai chương trình tiết kiệm nhiên liệu, (3) Khai thác và vận hành đội tàu bay thế hệ mới Airbus A321 NEO.... nhằm giúp tiết kiệm tối đa lượng nhiên liệu tiêu hao.

4.2. Nguyên vật liệu

a) Nguồn nguyên nhiên liệu và sự ổn định của nguồn nguyên nhiên liệu

Nguyên nhiên vật liệu chính phục vụ cho hoạt động của Vietjet là xăng Jet-A1 cho các máy bay, dầu diesel, xăng A95,... cho các phương tiện vận tải mặt đất. Hiện tại, trong nước chỉ có Skyepec và

Petrolimex Aviation là hai doanh nghiệp cung cấp xăng Jet-A1 cho các hãng hàng không. Xăng Jet-A1 được Petrolimex Aviation, Tapetco và Skypec nhập khẩu từ nước ngoài (chủ yếu từ Singapore) hoặc lấy từ nhà máy lọc dầu Dung Quất trong nước, sau đó được cung cấp cho các hãng hàng không, cũng như Vietjet thông qua hai phương thức: tra nạp bằng xe và tra nạp qua hệ thống tra nạp ngầm. Tại các sân bay nước ngoài, Shell, Chevron, Kuwait, Air BP và World Fuel là những doanh nghiệp cung cấp xăng Jet-A1 cho Công ty. Các doanh nghiệp cung cấp xăng cho các máy bay của Vietjet đều là những doanh nghiệp lớn, hoạt động lâu năm trong ngành, đảm bảo được sự ổn định về nguồn cung cấp.

b) Ảnh hưởng của giá nguyên nhiên liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Chi phí nhiên liệu là chi phí trọng yếu trong hoạt động vận tải hàng không, chiếm trung bình 30-40% tổng chi phí đầu vào trong hoạt động kinh doanh của Vietjet. Trong cấu trúc chi phí nhiên liệu, ngoài các khoản chi phí liên quan đến thuế nhập khẩu, phí bảo vệ môi trường v.v... thì sự biến động giá xăng Jet A1 trên thị trường thế giới có ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của công ty.

Năm 2022, chi phí xăng dầu của công ty là 17.097 tỷ đồng, tăng mạnh 459% so với năm 2021. Nguyên nhân của sự tăng đột biến chi phí nhiên liệu là do cuộc chiến tranh Nga - Ukraine và diễn biến tiêu cực của nền kinh tế toàn cầu dẫn đến chi phí xăng dầu tăng đột biến từ mức giá bình quân 80 USD/thùng ở thời điểm trước dịch Covid-19 tăng lên 130 USD/thùng đến 160 USD/thùng.

4.3. Chi phí sản xuất

Cơ cấu chi phí sản xuất của Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2019 | | Năm 2020 | | Năm 2021 | | Năm 2022 | |
|------------------------------|-------------------|---------------|-------------------|----------------|-------------------|----------------|-------------------|----------------|
| | Giá trị | %DTT | Giá trị | %DTT | Giá trị | %DTT | Giá trị | %DTT |
| Giá vốn hàng bán | 36.690.523 | 88,94% | 17.134.487 | 112,70% | 11.149.213 | 123,00% | 36.509.085 | 110,37% |
| Chi phí tài chính | 1.024.011 | 2,48% | 436.847 | 2,87% | 847.642 | 9,35% | 2.477.565 | 7,49% |
| Chi phí bán hàng | 1.164.676 | 2,82% | 834.501 | 5,49% | 664.293 | 7,33% | 974.355 | 2,95% |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 422.057 | 1,02% | 367.876 | 2,42% | 339.130 | 3,74% | 506.943 | 1,53% |
| Chi phí khác | 343 | 0,00% | 7.710 | 0,05% | 328 | 0,00% | 77.020 | 0,23% |
| Tổng cộng | 39.301.610 | 95,27% | 18.781.420 | 123,54% | 13.000.605 | 143,42% | 40.544.967 | 122,58% |

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2020, 2021 và năm 2022 của Vietjet

Cơ cấu chi phí sản xuất hợp nhất của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2019 | | Năm 2020 | | Năm 2021 | | Năm 2022 | |
|------------------------------|-------------------|---------------|-------------------|----------------|-------------------|----------------|-------------------|----------------|
| | Giá trị | %DTT | Giá trị | %DTT | Giá trị | %DTT | Giá trị | %DTT |
| Giá vốn hàng bán | 44.980.141 | 88,89% | 19.632.221 | 107,75% | 14.913.724 | 115,84% | 42.135.151 | 104,97% |
| Chi phí tài chính | 1.024.667 | 2,02% | 419.416 | 2,30% | 806.255 | 6,26% | 2.483.054 | 6,19% |
| Chi phí bán hàng | 1.003.522 | 1,98% | 764.076 | 4,19% | 607.756 | 4,72% | 936.344 | 2,33% |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 435.654 | 0,86% | 374.847 | 2,06% | 365.729 | 2,84% | 534.452 | 1,33% |
| Chi phí khác | 372 | 0,00% | 6.432 | 0,04% | 7.779 | 0,06% | 263.847 | 0,66% |
| Tổng cộng | 47.444.356 | 93,76% | 21.196.992 | 116,34% | 16.701.243 | 129,72% | 46.352.849 | 115,47% |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020, 2021 và năm 2022 của Vietjet

4.4. Trình độ công nghệ

Là hãng hàng không thế hệ mới, Vietjet không ngừng đầu tư công nghệ hiện đại vào mọi hoạt động từ thương mại, dịch vụ, an toàn khai thác, quản lý điều hành bay, quản lý kỹ thuật... Công ty chủ trương đầu tư đội bay hiện đại với xu hướng công nghệ mới nhất nhằm đem đến trải nghiệm bay thoải mái và thú vị cho hành khách. Đa phần các tàu bay của Vietjet mới 100%, có độ tuổi trung bình là 6,7 năm, khá trẻ so với khu vực cũng như trên thế giới, giúp tiết kiệm nhiên liệu lên tới 30%.

Bên cạnh đó, Vietjet hiện đang sử dụng hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến để quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh, khai thác bay, tài chính kế toán... Vietjet đã triển khai các dự án công nghệ thông tin tiên tiến giúp tối ưu hóa các nguồn lực về lịch trình chuyến bay, lịch trình của phi hành đoàn, xử lý gián đoạn các chuyến bay và kiểm soát thời gian bay, quản lý vật tư thiết bị kỹ thuật tiết kiệm và hiệu quả. Vietjet cũng đang từng bước xây dựng hệ thống quản lý nguồn lực doanh nghiệp (viết tắt là ERP), bắt đầu từ việc xây dựng ngân sách và hệ thống báo cáo quản trị trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại. Vietjet hiện đang sử dụng trên 20 phần mềm tiên tiến để quản lý các hoạt động của mình, điển hình:

- Hệ thống đặt vé của Công ty được phát triển và quản lý bởi Intelisys (Canada). Nhằm quản lý rủi ro, phát hiện gian lận thẻ tín dụng và xác minh giao dịch đặt vé qua internet, Hãng sử dụng phần mềm Gatekeepers của Mastercard là một trong những nhà cung cấp dịch vụ thẻ tín dụng hàng đầu trên thế giới, có khả năng xử lý khoảng 30 triệu giao dịch/1 tháng cho hơn 30.000 công ty trên 180 nước trên thế giới. Bên cạnh đó, phần mềm Aviator giúp quản trị và tối ưu hóa doanh thu các chuyến bay.
- Các hoạt động phân tích chuyến bay và an toàn bay được quản lý bởi hệ thống phần mềm Tài liệu điện tử trong buồng lái (EFB) do Airbus cung cấp. EFB giúp tổ lái được cập nhật tức thời các thông tin liên quan đến an toàn bay và điều hành bay.
- Đối với việc quản lý các hoạt động khai thác, Công ty sử dụng phần mềm Geneva. Phần mềm này giúp Công ty tối ưu hóa các nguồn lực của mình về lịch trình chuyến bay, lịch trình của phi hành đoàn, xử lý gián đoạn các chuyến bay và kiểm soát thời gian bay. Công ty sử dụng hệ thống SunSystems quản lý quy trình mua sắm, tài chính kế toán. Ngoài ra Công ty còn áp dụng công nghệ tiên tiến trong công tác quản lý kỹ thuật máy bay như hệ thống AMOS, AIMS... và trong việc quản lý hỏng hóc, quản lý vật tư, quản lý bảo dưỡng cũng như công tác truyền dữ liệu tự động từ máy bay...
- ICT đã thành công phát triển dự án check-in trên tablet, giúp đội ngũ vận hành mặt đất (GO) linh hoạt trong việc hỗ trợ khách hàng check-in. Bên cạnh đó, ICT cũng đã triển khai hệ thống Web/App Agency cho các đại lý, giúp các đơn vị tiếp cận với hệ thống booking của VJA nhanh hơn, mượt mà hơn.

Ngoài việc triển khai áp dụng công nghệ vào công tác quản lý điều hành, Vietjet luôn tiên phong trong việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong việc chăm sóc và mang đến cho khách hàng các dịch vụ hàng không hiện đại, sang trọng và chuyên nghiệp một cách dễ dàng. Cụ thể như:

- Trang thông tin điện tử (website) mới với giao diện đẹp, thân thiện và thuận tiện giúp cho khách hàng chủ động lựa chọn dịch vụ: bổ sung gói combo lựa chọn, vé đoàn cho gia đình và dịch vụ, tính năng và phương tiện thanh toán đơn giản nhanh;

- Triển khai dịch vụ khách hàng không cần thông qua nhân viên tổng đài như: kiểm tra giờ bay, chuyến bay, cổng ra máy bay thông qua phương thức giao dịch trên ứng dụng mạng xã hội phổ biến như Zalo, Viber;
- Trang bị thêm các quầy làm thủ tục (check-in) tại các sân bay;
- Đặt vé qua ứng dụng điện thoại: Khách hàng tìm thông tin chuyến bay, mua vé trực tuyến và thực hiện các thủ tục khác bằng điện thoại di động của mình mọi nơi, mọi lúc.
- Làm thủ tục trực tuyến: Khách có thể làm thủ tục trực tuyến tại website: www.vietjetair.com;
- Ngoài ra, Đặt vé qua ứng dụng điện thoại: Khách hàng tìm thông tin chuyến bay, mua vé trực tuyến và thực hiện các thủ tục khác bằng điện thoại di động của mình mọi nơi, mọi lúc.

Vietjet có sự đầu tư vững chắc và hợp tác với các tập đoàn lớn thế giới như nhà sản xuất tàu bay Airbus – hỗ trợ quản lý kỹ thuật tàu bay và đào tạo phi công, kỹ sư với đội chuyên gia làm việc trực tiếp tại Vietjet. Hệ thống đặt giữ chỗ được quản lý tại Canada; CyberSource (Hoa Kỳ) - nhà cung cấp dịch vụ an ninh thanh toán điện tử hàng đầu thế giới chính là đối tác cung cấp dịch vụ bảo mật thanh toán điện tử toàn cầu của Vietjet.

4.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Hiện tại Vietjet sử dụng các giải pháp phần mềm tiên tiến cho quản lý điều hành và khai thác hoạt động như AMOS, AIMS, AirFase, SFCO2, Intellysis...

Cùng với đội tàu bay thế hệ mới giúp tiết kiệm 15% - 30% nhiên liệu bay, Vietjet còn triển khai chương trình SFCO2 đưa ra những giải pháp, hướng dẫn cụ thể trong điều hành bay, giúp tối ưu công suất hoạt động của động cơ, giảm tiêu hao nhiên liệu. Chương trình SFCO2 được áp dụng từ năm 2017 tiếp tục mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho Vietjet. Đây là một chương trình toàn diện giúp tối ưu công suất hoạt động của động cơ, tiết kiệm nhiên liệu và giảm phát thải nhà kính. Thông qua việc giám sát và cung cấp thông tin chính xác về trọng lượng hành khách, hành lý, nhiên liệu dự phòng trong buồng xăng, chương trình SFCO2 còn giúp Vietjet tính toán lượng nhiên liệu cần tra nạp thêm, giảm thiểu lãng phí nhiên liệu và nâng cao hiệu suất khai thác đội tàu bay.

Định hướng xây dựng Hệ thống Quản trị Rủi ro theo chuẩn Quốc tế (ERM) cùng với việc áp dụng công nghệ 4.0 vào công tác Kiểm soát kiểm toán nội bộ bằng việc xây dựng và áp dụng các hệ thống/ứng dụng kiểm toán tự động hoá vào thực tế nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác Kiểm soát kiểm toán nội bộ.

Bên cạnh những chương trình hỗ trợ cho việc tối ưu chi phí nhiên liệu, bảo vệ môi trường và quản trị rủi ro, Vietjet còn định hướng phát triển dịch vụ số, tập trung phát triển dự án thanh toán không tiền mặt, ví điện tử nhằm tạo nên một hệ sinh thái thương mại điện tử, góp phần hỗ trợ cho nền tảng đặt vé trực tuyến hiện có.

4.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Để đảm bảo duy trì và cải tiến liên tục chất lượng sản phẩm và dịch vụ, Công ty có chương trình đánh giá đồng bộ từng sản phẩm và tại từng khâu cung cấp dịch vụ đến khách hàng dựa vào các tiêu chí cụ thể cho từng đối tượng được đánh giá như đánh giá dành cho trang web, phòng vé, sân bay khởi hành, trên máy bay và sân bay đến. Bên cạnh đó, Công ty còn có các khảo sát đánh giá sự hài lòng của khách hàng đối với các sản phẩm của công ty như sản phẩm Skyboss, dịch vụ tại sân

bay, dịch vụ của tiếp viên, suất ăn và hàng lưu niệm phục vụ trên chuyến bay... Nhằm mang lại kết quả khách quan, Công ty thực hiện đánh giá dựa vào ba kênh thường xuyên là kênh đánh giá nội bộ, kênh đánh giá bởi đội ngũ khách hàng bí mật và kênh điều tra, khảo sát ý kiến khách hàng được tiến hành bởi các đơn vị khảo sát thị trường chuyên nghiệp.

Tại Vietjet, Ban An ninh – An toàn, bảo đảm chất lượng chịu trách nhiệm thiết lập, ban hành, cập nhật và triển khai thực hiện các hệ thống an toàn, chất lượng của Công ty theo các yêu cầu của các cơ quan ban ngành; kiểm tra và giám sát thường xuyên để đảm bảo các hoạt động khai thác, bảo dưỡng tuân thủ theo các yêu cầu an toàn của Cục Hàng không Việt Nam và các nhà chức trách hàng không liên quan. Trong những năm qua, Vietjet luôn là đơn vị đi đầu trong việc áp dụng hệ thống phân tích dữ liệu bay và hợp tác tích cực với Airbus trong việc triển khai áp dụng Hệ thống Quản lý an toàn (SMS) đáp ứng các quy định, tiêu chuẩn về an toàn hàng không phù hợp với các quy định của ICAO, các nhà chức trách hàng không, các hiệp hội, liên minh mà Vietjet tham gia với tư cách thành viên nhằm giảm thiểu các rủi ro tiềm ẩn đảm bảo ngăn ngừa sự cố xảy ra trong hoạt động khai thác bay.

4.7. Hoạt động Marketing

a) Định vị

Đối tượng khách hàng mục tiêu của Vietjet là khách hàng trẻ trung, năng động, thích xê dịch và nhóm khách hàng có thu nhập tầm trung. Vì vậy Vietjet đã định vị thương hiệu ngay từ khi mới ra mắt là “hãng hàng không giá rẻ”. Việc xác định đúng đối tượng khách hàng mục tiêu của Vietjet là một thành công lớn bởi tại thời điểm mới ra mắt, Vietnam Airline là hãng máy bay lớn chỉ dành cho những người có thu nhập cao, với sự ra đời của Vietjet khiến cho việc di chuyển bằng máy bay không còn quá xa vời. Đặc biệt, trào lưu “xách vali lên và đi” ngày càng phát triển trong thời gian gần đây đã giúp Vietjet dẫn đầu thị trường vận chuyển hàng không nội địa với 42% thị phần trong năm 2023.

b) Chiến lược giá

“Giá rẻ” là chiến lược giá hàng đầu mà Vietjet vẫn duy trì cho đến thời điểm hiện tại, phù hợp với mức thu nhập bình quân của người Việt Nam. Vietjet tiếp tục sứ mệnh hiện thực hóa giấc mơ bay của cộng đồng, trở thành Hãng hàng không của người dân bằng chiến lược giá siêu tiết kiệm thiết thực cho hành khách. Để cung cấp các chuyến bay giá rẻ, Vietjet đã thực hiện nhiều giải pháp để tối ưu hóa chi phí, đặc biệt sử dụng đội tàu bay có độ tuổi trung bình 6,7 năm. Trong năm 2022, Vietjet khai thác dòng tàu bay thân hẹp A320, A321 và dòng tàu bay thân rộng A330.

Tàu bay A320 và A321 chuyên phục vụ tuyến bay ngắn (5-6 giờ bay), đặc biệt tàu bay A321neo và A321ceo có thiết kế đặc biệt, giúp tiết kiệm nhiên liệu, giảm khí thải và tiếng ồn ở mức thấp nhất. Tàu bay thân rộng A330 có thể vận chuyển hành khách và hàng hóa trong phạm vi từ 5.000 đến 13.430 km sức chứa lên đến 377 hành khách hoặc mang theo 70 tấn hàng hóa.

c) Phân phối

Vietjet có mạng lưới đường bay rộng khắp tới các khu vực Đông Nam Á và Đông Bắc Á. Trong năm 2022, Vietjet đã khai thác 103 đường bay, trong đó 53 đường bay quốc nội và 48 đường bay quốc tế tới tới Ấn Độ, Kazakhstan, Australia, Singapore, Malaysia, Myanmar, Indonesia, Campuchia, Đài Loan, Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản,

Hiện hệ thống phân phối của Vietjet phủ rộng trong và ngoài nước bao gồm đại lý và tổng đại lý trong nước và nước ngoài. Các kênh phân phối chính bao gồm:

- Internet và điện thoại di động;

- Đại lý vé máy bay;
- Phòng vé Vietjet;
- Tổng đài phục vụ khách hàng Vietjet;
- Đơn vị bán lẻ và ngân hàng liên kết với hơn 3.000 điểm giao dịch.

Ngoài ra, Vietjet còn triển khai hệ thống phân phối toàn cầu (GDS) cho phép tự động hóa giao dịch giữa các bên thứ ba và các đại lý để cung cấp các dịch vụ phân phối vé máy bay, du lịch và lữ hành cho hành khách toàn cầu. Để quản lý chi phí của kênh phân phối GDS, Vietjet đã ký hợp đồng với Hahn Air (Đức) và Airlines Reporting Corporation (Mỹ) là 2 đối tác phân phối vé trên hệ thống.

Sau đại dịch Covid-19, các hoạt động kinh doanh, bán hàng trực tuyến ngày càng chiếm ưu thế, thể hiện ở việc thay đổi trong cơ cấu các kênh bán hàng đóng góp vào tổng doanh thu. Nổi bật nhất có thể kể đến các kênh bán hàng trực tuyến đóng góp 35% trên tổng doanh thu, tăng 6% so với năm 2021 và bán hàng qua hệ thống GDS (Global Distribution System) tăng trưởng từ con số 0 trong năm 2021 lên 7% trong năm 2022.




d) Xây dựng thương hiệu

Theo tính toán của Trung tâm Hàng không châu Á - Thái Bình Dương (CAPA), mức độ nhận diện của thương hiệu Vietjet Air tại Việt Nam đạt 98%. Vietjet định hướng gia tăng giá trị thương hiệu Vietjet toàn cầu đạt hơn 500 triệu USD, gắn liền với chất lượng dịch vụ vượt trội, khác biệt, An Toàn - Vui vẻ - Giá rẻ - Đúng giờ. Vietjet luôn truyền cảm hứng cho hành khách trải nghiệm bay thuận tiện, vui tươi, cùng nhiều chương trình khuyến mãi hấp dẫn, mang lại cơ hội bay cho người dân khắp thế giới.

Vietjet đã tăng cường nhận diện thương hiệu trải nghiệm của khách hàng thông qua cải thiện mức độ tin cậy của hoạt động như thời gian cất cánh đúng giờ, chất lượng dịch vụ khách hàng và tăng cường tương tác với khách hàng trực tiếp để lắng nghe nhu cầu cũng như phản ánh của khách hàng.

4.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Các nhãn hiệu thương mại của Vietjet đã được bảo hộ

| TT | Loại sở hữu trí tuệ | Cơ quan cấp chứng nhận | Ngày chứng nhận | Ngày hết hiệu lực |
|----|--|---|-----------------|--------------------------------|
| 1. | Đăng ký nhãn hiệu  | Cục sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam | 17/01/2014 | 17/12/2022 (có thể gia hạn) |
| 2. | Đăng ký nhãn hiệu  | Cục Sở hữu trí tuệ Malaysia | 10/07/2014 | 12/03/2023 |
| 3. | Đăng ký nhãn hiệu  | Cục Sở hữu bản quyền Nhật Bản | 24/10/2014 | Không thời hạn |
| 4. | Đăng ký nhãn hiệu | Cục Sở hữu trí tuệ Hồng Kông | 14/01/2014 | 05/02/2023 |

| | | | | |
|----|---|---|------------|----------------|
| | vietjet Aif.com | | | |
| 5. | Đăng ký nhãn hiệu vietjet Aif.com | Cục Sở hữu trí tuệ Singapore | 14/10/2014 | Không thời hạn |
| 6. | Đăng ký nhãn hiệu vietjet Aif.com | Cục Sở hữu trí tuệ Hàn Quốc | 12/11/2014 | Không thời hạn |
| 7. | Đăng ký nhãn hiệu vietjet Aif.com | Cục Quản lý hành chính Nhà nước về Công nghiệp và Thương mại Trung Quốc | 13/03/2014 | Không thời hạn |
| 8. | Đăng ký quyền tác giả cho hình thức thể hiện trên trang phục của tiếp viên hàng không nam và nữ | Cục Bản quyền tác giả, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam | 21/11/2013 | Không thời hạn |

Nguồn: Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet

4.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

VJC đã ký một thỏa thuận khung với các phụ lục liên quan với Airbus S.A.S để mua 186 tàu bay. Tại ngày 31/12/2022, Tập đoàn đã nhận được 72 tàu bay, các tàu bay còn lại dự kiến sẽ tiếp tục được chuyển giao cho Tập đoàn đến năm 2028. Để trang bị cho các tàu bay này, VJC đã đặt mua 106 động cơ tàu bay từ CFM International S.A và 128 động cơ tàu bay từ United Technologies Corporation (Pratt & Whitney Division), bao gồm thỏa thuận cung cấp dịch vụ bảo dưỡng. Ngoài ra, tại Triển lãm hàng không quốc tế Farnborough 2022, Vietjet và Boeing đã chính thức ký kết thỏa thuận tái cấu trúc và tiếp tục thực hiện hợp đồng đặt mua 200 tàu bay Boeing 737.

Trong tháng 12 năm 2022, Vietjet đã có buổi tổng kết dự án triển khai hệ thống SAP S4/HANA với FPT, đánh dấu một bước tiến mới trong quá trình thực hiện chuyển đổi số. Với hệ thống SAP S4/HANA, Vietjet có thể đơn giản hóa quy trình, tạo thành một hệ thống quản trị xuyên suốt.

Trong năm 2022, Vietjet đã phối hợp với Airbus tiến hành lắp đặt buồng SIM thứ 3 - thiết bị mô phỏng buồng lái hiện đại dành cho tàu bay A320/A321. Dự kiến, công tác lắp đặt sẽ hoàn thành và đưa vào huấn luyện, đào tạo từ cuối Quý 1 năm 2023, đưa VJAA trở thành một trong những đơn vị đào tạo hàng không có quy mô lớn nhất Việt Nam và khu vực, đồng thời là trung tâm chuyên loại duy nhất của Airbus với số lượng buồng lái mô phỏng Airbus A320 nhiều nhất Việt Nam.

5. Chính sách cổ tức

HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình ĐHCĐ. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo

quy định của pháp luật hiện hành. Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức hợp lý.

Các đợt chia cổ tức của Công ty năm 2017-2020

| TT | Ngày chốt | Tỉ lệ | Loại | Ghi chú | Số lượng cổ phần | Tiền cổ tức (đồng) |
|----|------------|-------|----------|------------------------------|------------------|--------------------|
| 1 | 10/05/2017 | 10% | Tiền mặt | Chi trả cổ tức đợt 2/2016 | 30.000.000 | 300.000.000.000 |
| 2 | 31/07/2017 | 20% | Tiền mặt | Tạm ứng cổ tức đợt 1/2017 | 322.388.060 | 644.776.120.000 |
| 3 | 25/09/2017 | 40% | Cổ phiếu | Trả cổ phiếu thưởng | 451.343.284 | 1.289.552.240.000 |
| 4 | 23/01/2018 | 10% | Tiền mặt | Tạm ứng cổ tức đợt 2/2017 | 451.343.284 | 451.343.284.000 |
| 5 | 10/05/2018 | 10% | Tiền mặt | Tạm ứng cổ tức đợt 3/2017 | 451.343.284 | 451.343.284.000 |
| 6 | 02/07/2018 | 20% | Cổ phiếu | Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu | 541.611.334 | 902.680.500.000 |
| 7 | 06/09/2018 | 20% | Tiền mặt | Tạm ứng cổ tức đợt 1/2018 | 541.611.334 | 1.083.222.668.000 |
| 8 | 24/04/2019 | 10% | Tiền mặt | Tạm ứng cổ tức đợt 2/2018 | 541.611.334 | 541.611.334.000 |

6. Tình hình tài chính

6.1. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản của doanh nghiệp trong 3 năm liền trước năm phát hành theo báo cáo tài chính hợp nhất:

| STT | Chỉ tiêu (Đơn vị: Triệu đồng) | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2022 |
|-----|--|-------------|------------|------------|
| 1 | Vốn chủ sở hữu | 14.978.399 | 16.854.210 | 14.898.295 |
| | <i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i> | 5.416.113 | 5.416.113 | 5.416.113 |
| | <i>Thặng dư vốn cổ phần</i> | 245.949 | 247.483 | 247.483 |
| | <i>Cổ phiếu quỹ</i> | (2.347.121) | 0 | 0 |
| | <i>Chênh lệch đánh giá lại tài sản</i> | 0 | 0 | 0 |
| | <i>Chênh lệch tỷ giá</i> | 73.551 | (110.730) | 195.329 |
| | <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i> | 11.589.251 | 11.281.433 | 9.018.934 |
| | <i>Lợi ích cổ đông không kiểm soát</i> | 656 | 19.912 | 20.436 |

| STT | Chỉ tiêu (Đơn vị: Triệu đồng) | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2022 |
|-----|--|------------|------------|-------------|
| 2 | Tổng Nợ phải trả | 30.218.431 | 34.799.494 | 53.138.670 |
| | <i>Vay Ngân hàng</i> | 12.154.711 | 6.387.222 | 8.164.648 |
| | <i>Vay trái phiếu</i> | 910.700 | 8.373.090 | 10.650.000 |
| | <i>Nợ khác</i> | 17.153.020 | 20.039.182 | 34.324.022 |
| 3 | Hệ số nợ phải trả/tổng tài sản | 0,67 | 0,67 | 0,78 |
| 4 | Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu | 2,02 | 2,06 | 3,57 |
| 5 | Hệ số thanh toán ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn) | 1,28 | 1,73 | 1,10 |
| 6 | Hệ số thanh toán nhanh ((tài sản ngắn hạn - hàng tồn kho)/nợ ngắn hạn) | 1,24 | 1,68 | 1,07 |
| 7 | Dư nợ trái phiếu/vốn chủ sở hữu | 0,04 | 0,50 | 0,71 |
| 8 | Lợi nhuận trước thuế | (244.493) | 180.380 | (2.648.659) |
| 9 | Lợi nhuận sau thuế | 68.665 | 79.659 | (2.261.975) |
| | <i>Trường hợp lỗ: lỗ trong năm tài chính</i> | | | (2.262.499) |
| | <i>Lợi nhuận sau thuế/(Lỗ) lũy kế</i> | | | 9.018.934 |
| 10 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản | 0,15% | 0,15% | (3,32)% |
| 11 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu | 0,46% | 0,47% | (15,18)% |
| 12 | Tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của pháp luật | | | |

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán của Công ty năm 2020, 2021, 2022)

6.2 Tình hình thanh toán các khoản nợ đến hạn (trong đó bao gồm cả các khoản nợ trái phiếu đến hạn trong 03 năm gần nhất trước đợt phát hành trái phiếu)

Các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo các Hợp đồng. Đến thời điểm 30/06/2023 Công ty không có khoản nợ quá hạn nào.

Kết quả thanh toán lãi/gốc trái phiếu trong 3 năm gần nhất:

| Mã trái phiếu | Đợt thanh toán | Ngày thanh toán | Giá trị trái phiếu | Tiền lãi đã thanh toán định kỳ |
|---------------|----------------|-----------------|--------------------|--------------------------------|
| VJC11912 | Đợt 1 | 26-01-2020 | 600.000.000.000 | 27.221.917.808 |
| VJC11912 | Đợt 2 | 26-07-2020 | 600.000.000.000 | 26.926.027.396 |

| Mã trái phiếu | Đợt thanh toán | Ngày thanh toán | Giá trị trái phiếu | Tiền lãi đã thanh toán định kỳ |
|----------------------|-----------------------|------------------------|---------------------------|---------------------------------------|
| VJC11912 | Đợt 3 | 26-01-2021 | 600.000.000.000 | 25.709.592.010 |
| VJCL2023001 | Đợt 1 | 23-06-2021 | 650.000.000.000 | 29.169.863.017 |
| VJC11912 | Đợt 4 | 26-07-2021 | 600.000.000.000 | 23.356.437.057 |
| VJCH2126001 | Đợt 1 | 24-11-2021 | 1.000.000.000.000 | 47.890.410.963 |
| VJCH2126002 | Đợt 1 | 9-12-2021 | 1.000.000.000.000 | 47.630.136.977 |
| VJCL2023001 | Đợt 2 | 23-12-2021 | 650.000.000.000 | 29.330.136.987 |
| VJCH2126003 | Đợt 1 | 22-01-2022 | 1.000.000.000.000 | 47.890.410.959 |
| VJC11912 | Đợt 5 | 26-01-2021 | 600.000.000.000 | 23.683.067.982 |
| VJCH2126004 | Đợt 1 | 16-02-2022 | 2.000.000.000.000 | 95.780.821.918 |
| VJCH2124005 | Đợt 1 | 27-4-2022 | 1.000.000.000.000 | 47.369.863.014 |
| VJCH2126001 | Đợt 2 | 24-5-2022 | 1.000.000.000.000 | 47.109.589.041 |
| VJCH2124006 | Đợt 1 | 01-6-2022 | 1.000.000.000.000 | 47.369.863.014 |
| VJCH2126002 | Đợt 2 | 9-6-2022 | 1.000.000.000.000 | 47.369.863.014 |
| VJCL2023001 | Đợt 3 | 23-6-2022 | 650.000.000.000 | 25.215.726.027 |
| VJCH2124007 | Đợt 2 | 27-6-2022 | 3.000.000.000.000 | 142.109.589.041 |
| VJCH2126003 | Đợt 2 | 22-7-2022 | 1.000.000.000.000 | 47.109.589.041 |
| VJC11912 | Đợt 6 | 26-01-2021 | 600.000.000.000 | 623.148.180.000 |
| VJCH2126004 | Đợt 2 | 16-8-2022 | 2.000.000.000.000 | 94.219.178.082 |
| VJCH2124005 | Đợt 2 | 27-10-2022 | 1.000.000.000.000 | 47.630.136.986 |
| VJCH2126001 | Đợt 3 | 24-11-2022 | 1.000.000.000.000 | 39.219.726.027 |

| Mã trái phiếu | Đợt thanh toán | Ngày thanh toán | Giá trị trái phiếu | Tiền lãi đã thanh toán định kỳ |
|---------------|----------------|-----------------|--------------------|--------------------------------|
| VJCH2124006 | Đợt 2 | 01-12-2022 | 1.000.000.000.000 | 47.630.136.986 |
| VJCH2126002 | Đợt 3 | 9-12-2022 | 1.000.000.000.000 | 39.006.575.342 |
| VJCL2023001 | Đợt 4 | 23-12-2022 | 650.000.000.000 | 25.354.273.973 |
| VJCH2124007 | Đợt 2 | 27-12-2022 | 3.000.000.000.000 | 142.890.410.959 |
| VJCH2126003 | Đợt 3 | 22-01-2023 | 1.000.000.000.000 | 39.471.780.822 |
| VJCH2126004 | Đợt 3 | 16-02-2023 | 2.000.000.000.000 | 79.145.205.479 |
| VJCH2124005 | Đợt 3 | 27-04-2023 | 1.000.000.000.000 | 40.538.630.137 |
| VJCH2126001 | Đợt 4 | 24-05-2023 | 1.000.000.000.000 | 45.869.863.014 |
| VJCH2124006 | Đợt 3 | 01-06-2023 | 1.000.000.000.000 | 45.873.972.603 |
| VJCH2126002 | Đợt 4 | 09-06-2023 | 1.000.000.000.000 | 45.873.972.603 |
| VJCL202301 | Đợt 5 | 23-06-2023 | 650.000.000.000 | 29.818.082.192 |
| VJCH2124007 | Đợt 3 | 27-06-2023 | 3.000.000.000.000 | 137.621.917.808 |

6.3. Tình hình nộp ngân sách nhà nước trong 03 năm liên tiếp trước đợt phát hành

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị: Triệu đồng

| Chỉ tiêu Đơn vị: Tr VND | Công ty mẹ | | | Hợp nhất | | |
|-------------------------------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|
| | 31/12/2020 | 31/12/2021 | 31/12/2022 | 31/12/2020 | 31/12/2021 | 31/12/2022 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 296.438 | 288.786 | 361.332 | 293.547 | 288.705 | 358.418 |

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2020, 2021 và năm 2022 của Vietjet

6.4 Báo cáo về tình hình phát hành và sử dụng vốn đối với các trái phiếu còn dư nợ

| STT | Mã trái phiếu | Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Tổng giá trị phát hành (Triệu đồng) | Tổng giá trị trái phiếu còn đang lưu hành (Triệu đồng) | Mục đích sử dụng vốn đã công bố thông tin | Tình hình sử dụng vốn của trái phiếu |
|-----|---------------|----------------|--------------|--|---|---|--|
| 1 | VJCL2023001 | 23/12/2020 | 23/12/2023 | 650.000 | 650.000 | Tăng quy mô vốn hoạt động | Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm để chi trả các chi phí về xăng dầu, cảng, thuê tàu bay, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm và các chi phí khác. |
| 2 | VJCH2126001 | 24/05/2021 | 24/05/2026 | 1.000.000 | 1.000.000 | Tăng quy mô vốn hoạt động | Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm để chi trả các chi phí về xăng dầu, cảng, thuê tàu bay, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm và các chi phí khác. |
| 3 | VJCH2126002 | 09/06/2021 | 09/06/2026 | 1.000.000 | 1.000.000 | Tăng quy mô vốn hoạt động | Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm để chi trả các chi phí về xăng dầu, cảng, thuê tàu bay, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm và các chi phí khác. |
| 4 | VJCH2126003 | 22/07/2021 | 22/07/2026 | 1.000.000 | 1.000.000 | Tăng quy mô vốn hoạt động | Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm để chi trả các chi phí về xăng dầu, cảng, thuê tàu bay, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm và các chi phí khác. |
| 5 | VJCH2126004 | 16/08/2021 | 16/08/2026 | 2.000.000 | 2.000.000 | Tăng quy mô vốn hoạt động | Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm để chi |

| STT | Mã trái phiếu | Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Tổng giá trị phát hành (Triệu đồng) | Tổng giá trị trái phiếu còn đang lưu hành (Triệu đồng) | Mục đích sử dụng vốn đã công bố thông tin | Tình hình sử dụng vốn của trái phiếu |
|-----|---------------|----------------|--------------|-------------------------------------|--|---|--|
| | | | | | | | trả các chi phí về xăng dầu, cảng, thuê tàu bay, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm và các chi phí khác. |
| 6 | VJCH2124005 | 27/10/2021 | 27/10/2024 | 1.000.000 | 1.000.000 | Tăng quy mô vốn hoạt động | Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm để chi trả các chi phí về xăng dầu, cảng, thuê tàu bay, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm và các chi phí khác. |
| 7 | VJCH2124006 | 01/12/2021 | 01/12/2024 | 1.000.000 | 1.000.000 | Tăng quy mô vốn hoạt động | Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm để chi trả các chi phí về xăng dầu, cảng, thuê tàu bay, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm và các chi phí khác. |
| 8 | VJCH2124007 | 27/12/2021 | 27/12/2024 | 3.000.000 | 3.000.000 | Tăng quy mô vốn hoạt động | Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm để chi trả các chi phí về xăng dầu, cảng, thuê tàu bay, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm và các chi phí khác. |
| 9 | VJCH2328001 | 31/05/2023 | 31/05/2028 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng. |

| STT | Mã trái phiếu | Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Tổng giá trị phát hành (Triệu đồng) | Tổng giá trị trái phiếu còn đang lưu hành (Triệu đồng) | Mục đích sử dụng vốn đã công bố thông tin | Tình hình sử dụng vốn của trái phiếu |
|-----|---------------|----------------|--------------|--|---|---|---|
| 10 | VJCH2328002 | 15/06/2023 | 15/06/2028 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, chi phí thuê tàu bay. |
| 11 | VJCH2328003 | 28/06/2023 | 28/06/2028 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. |
| 12 | VJCH2328004 | 30/06/2023 | 30/06/2028 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. |
| 13 | VJCH2328005 | 04/07/2023 | 04/07/2028 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, chi phí thuê tàu bay. |

| STT | Mã trái phiếu | Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Tổng giá trị phát hành (Triệu đồng) | Tổng giá trị trái phiếu còn đang lưu hành (Triệu đồng) | Mục đích sử dụng vốn đã công bố thông tin | Tình hình sử dụng vốn của trái phiếu |
|-----|---------------|----------------|--------------|-------------------------------------|--|---|---|
| 14 | VJCH2328006 | 07/07/2023 | 07/07/2028 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. |
| 15 | VJCH2328007 | 17/07/2023 | 17/07/2028 | 200.000 | 200.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. |
| 16 | VJCH2328008 | 25/07/2023 | 25/07/2028 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. |
| 17 | VJCH2328009 | 01/8/2023 | 01/8/2028 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. |

| STT | Mã trái phiếu | Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Tổng giá trị phát hành (Triệu đồng) | Tổng giá trị trái phiếu còn đang lưu hành (Triệu đồng) | Mục đích sử dụng vốn đã công bố thông tin | Tình hình sử dụng vốn của trái phiếu |
|-----|---------------|----------------|--------------|--|---|--|--|
| 18 | VJCH2328010 | 04/8/2023 | 04/8/2028 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. |
| 19 | VJCH2328011 | 08/8/2023 | 08/8/2028 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. |
| 20 | VJCH2328012 | 15/8/2023 | 15/8/2028 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. |
| 21 | VJCH2328013 | 21/8/2023 | 21/8/2028 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. |

| STT | Mã trái phiếu | Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Tổng giá trị phát hành (Triệu đồng) | Tổng giá trị trái phiếu còn đang lưu hành (Triệu đồng) | Mục đích sử dụng vốn đã công bố thông tin | Tình hình sử dụng vốn của trái phiếu |
|-----|---------------|----------------|--------------|-------------------------------------|--|--|--|
| 22 | VJCH2328014 | 24/8/2023 | 24/8/2028 | 200.000 | 200.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. |
| 23 | VJCH2328015 | 15/9/2023 | 15/9/2028 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. |
| 24 | VJCH2328016 | 19/9/2023 | 19/9/2028 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. |
| 25 | VJCH2328017 | 21/9/2023 | 21/9/2028 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. |

| STT | Mã trái phiếu | Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Tổng giá trị phát hành (Triệu đồng) | Tổng giá trị trái phiếu còn đang lưu hành (Triệu đồng) | Mục đích sử dụng vốn đã công bố thông tin | Tình hình sử dụng vốn của trái phiếu |
|-----|---------------|----------------|--------------|-------------------------------------|--|--|--|
| 26 | VJCH2328018 | 25/9/2023 | 25/9/2028 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. |
| 27 | VJCH2328019 | 27/9/2023 | 27/9/2028 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. |
| 28 | VJCH2328020 | 29/9/2023 | 29/9/2028 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. |
| 29 | VJCH2328021 | 03/10/2023 | 03/10/2028 | 200.000 | 200.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. |

| STT | Mã trái phiếu | Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Tổng giá trị phát hành (Triệu đồng) | Tổng giá trị trái phiếu còn đang lưu hành (Triệu đồng) | Mục đích sử dụng vốn đã công bố thông tin | Tình hình sử dụng vốn của trái phiếu |
|-----|---------------|----------------|--------------|--|---|--|--|
| 30 | VJCH2328022 | 07/11/2023 | 07/11/2028 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. |
| 31 | VJCH2328023 | 09/11/2023 | 09/11/2028 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. |
| 32 | VJCH2328024 | 13/11/2023 | 13/11/2028 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. |
| 33 | VJCH2328025 | 15/11/2023 | 15/11/2028 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. |

| STT | Mã trái phiếu | Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Tổng giá trị phát hành (Triệu đồng) | Tổng giá trị trái phiếu còn đang lưu hành (Triệu đồng) | Mục đích sử dụng vốn đã công bố thông tin | Tình hình sử dụng vốn của trái phiếu |
|-----|---------------|----------------|--------------|--|---|--|--|
| 34 | VJCH2328026 | 22/11/2023 | 22/11/2028 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. |
| 35 | VJCH2328027 | 27/11/2023 | 27/11/2028 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. |
| 36 | VJCH2328028 | 01/12/2023 | 01/12/2028 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. |
| 37 | VJCH2328029 | .../12/2023 | .../12/2028 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. |

| STT | Mã trái phiếu | Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Tổng giá trị phát hành (Triệu đồng) | Tổng giá trị trái phiếu còn đang lưu hành (Triệu đồng) | Mục đích sử dụng vốn đã công bố thông tin | Tình hình sử dụng vốn của trái phiếu |
|-----|---------------|----------------|--------------|--|---|--|--|
| 38 | VJCH2328030 | .../12/2023 | .../12/2028 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. |

Cập nhật tình hình chào bán và sử dụng vốn trái phiếu từ các đợt chào bán trước theo phương án phát hành trái phiếu:

| STT | Số Đợt | Mã trái phiếu | Tổng giá trị chào bán (triệu đồng) | Tổng giá trị phát hành thành công (triệu đồng) | Mục đích sử dụng vốn theo phương án phát hành | Tình hình sử dụng vốn thực tế | Thời điểm sử dụng vốn thực tế |
|-----|--------|---------------|------------------------------------|--|---|---|-------------------------------|
| 1 | Đợt 1 | VJCH2328001 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Đã sử dụng với mục đích thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng. | Tháng 06/2023 |
| 2 | Đợt 2 | VJCH2328002 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Đã sử dụng với mục đích thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, chi phí thuê tàu bay. | Tháng 06/2023 |
| 3 | Đợt 3 | VJCH2328003 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Đã sử dụng với mục đích thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Tháng 06/2023 |
| 4 | Đợt 4 | VJCH2328004 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Đã sử dụng với mục đích thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Tháng 06 - 7/2023 |

| STT | Số Đợt | Mã trái phiếu | Tổng giá trị chào bán (triệu đồng) | Tổng giá trị phát hành thành công (triệu đồng) | Mục đích sử dụng vốn theo phương án phát hành | Tình hình sử dụng vốn thực tế | Thời điểm sử dụng vốn thực tế |
|-----|--------|---------------|------------------------------------|--|---|---|-------------------------------|
| | | | | | khác. | các chi phí khác. | |
| 5 | Đợt 5 | VJCH2328005 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Đã sử dụng với mục đích thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, chi phí thuê tàu bay. | Tháng 7/2023 |
| 6 | Đợt 6 | VJCH2328006 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Đã sử dụng với mục đích thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Tháng 7/2023 |
| 7 | Đợt 7 | VJCH2328007 | 200.000 | 200.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Đã sử dụng với mục đích thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Tháng 7/2023 |
| 8 | Đợt 8 | VJCH2328008 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, | Đã sử dụng với mục đích thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều | Tháng 7/2023- Tháng |

| STT | Số Đợt | Mã trái phiếu | Tổng giá trị chào bán (triệu đồng) | Tổng giá trị phát hành thành công (triệu đồng) | Mục đích sử dụng vốn theo phương án phát hành | Tình hình sử dụng vốn thực tế | Thời điểm sử dụng vốn thực tế |
|-----|--------|---------------|------------------------------------|--|---|---|-------------------------------|
| | | | | | lương, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | 8/2023 |
| 9 | Đợt 9 | VJCH2328009 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Đã sử dụng với mục đích thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Tháng 8/2023 |
| 10 | Đợt 10 | VJCH2328010 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Đã sử dụng với mục đích thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Tháng 8/2023 |
| 11 | Đợt 11 | VJCH2328011 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Đã sử dụng với mục đích thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, lương, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Tháng 8/2023 |

| STT | Số Đợt | Mã trái phiếu | Tổng giá trị chào bán (triệu đồng) | Tổng giá trị phát hành thành công (triệu đồng) | Mục đích sử dụng vốn theo phương án phát hành | Tình hình sử dụng vốn thực tế | Thời điểm sử dụng vốn thực tế |
|-----|--------|---------------|------------------------------------|--|--|--|-------------------------------|
| 12 | Đợt 12 | VJCH2328012 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Đã sử dụng với mục đích thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Tháng 8/2023 |
| 13 | Đợt 13 | VJCH2328013 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Đã sử dụng với mục đích thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Tháng 8/2023 |
| 14 | Đợt 14 | VJCH2328014 | 200.000 | 200.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Đã sử dụng với mục đích thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Tháng 8/2023 |
| 15 | Đợt 15 | VJCH2328015 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Đã sử dụng với mục đích thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Tháng 09/2023 |

| STT | Số Đợt | Mã trái phiếu | Tổng giá trị chào bán (triệu đồng) | Tổng giá trị phát hành thành công (triệu đồng) | Mục đích sử dụng vốn theo phương án phát hành | Tình hình sử dụng vốn thực tế | Thời điểm sử dụng vốn thực tế |
|-----|--------|---------------|------------------------------------|--|--|--|-------------------------------|
| 16 | Đợt 16 | VJCH2328016 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Đã sử dụng với mục đích thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Tháng 09/2023 |
| 17 | Đợt 17 | VJCH2328017 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Đã sử dụng với mục đích thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Tháng 09/2023 |
| 18 | Đợt 18 | VJCH2328018 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Đã sử dụng với mục đích thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Tháng 09/2023 |
| 19 | Đợt 19 | VJCH2328019 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Đã sử dụng với mục đích thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Tháng 9/2023 – Tháng 10/2023 |

| STT | Số Đợt | Mã trái phiếu | Tổng giá trị chào bán (triệu đồng) | Tổng giá trị phát hành thành công (triệu đồng) | Mục đích sử dụng vốn theo phương án phát hành | Tình hình sử dụng vốn thực tế | Thời điểm sử dụng vốn thực tế |
|-----|--------|---------------|------------------------------------|--|--|--|-------------------------------|
| 20 | Đợt 20 | VJCH2328020 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Đã sử dụng với mục đích thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Tháng 9/2023 – Tháng 10/2023 |
| 21 | Đợt 21 | VJCH2328021 | 200.000 | 200.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Đã sử dụng với mục đích thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Tháng 10/2023 |
| 22 | Đợt 22 | VJCH2328022 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Đã sử dụng với mục đích thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Tháng 11/2023 |
| 23 | Đợt 23 | VJCH2328023 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Đã sử dụng với mục đích thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Tháng 11/2023 – Tháng 12/2023 |

| STT | Số Đợt | Mã trái phiếu | Tổng giá trị chào bán (triệu đồng) | Tổng giá trị phát hành thành công (triệu đồng) | Mục đích sử dụng vốn theo phương án phát hành | Tình hình sử dụng vốn thực tế | Thời điểm sử dụng vốn thực tế |
|-----|--------|---------------|------------------------------------|--|--|--|-------------------------------|
| 24 | Đợt 24 | VJCH2328024 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Đã sử dụng với mục đích thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Tháng 11/2023 – Tháng 12/2023 |
| 25 | Đợt 25 | VJCH2328025 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Đã sử dụng với mục đích thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Tháng 11/2023 – Tháng 12/2023 |
| 26 | Đợt 26 | VJCH2328026 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Đã sử dụng với mục đích thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Tháng 11/2023 – Tháng 12/2023 |
| 27 | Đợt 27 | VJCH2328027 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Đã sử dụng với mục đích thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Tháng 11/2023 – Tháng 12/2023 |

| STT | Số Đợt | Mã trái phiếu | Tổng giá trị chào bán (triệu đồng) | Tổng giá trị phát hành thành công (triệu đồng) | Mục đích sử dụng vốn theo phương án phát hành | Tình hình sử dụng vốn thực tế | Thời điểm sử dụng vốn thực tế |
|-----|--------|---------------|------------------------------------|--|--|--|----------------------------------|
| 28 | Đợt 28 | VJCH2328028 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Đã sử dụng với mục đích thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Tháng 12/2023 – Tháng 01/2024 |
| 29 | Đợt 29 | VJCH2328029 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Đã sử dụng với mục đích thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Tháng 12/2023 – Tháng 01/2024 |
| 30 | Đợt 30 | VJCH2328030 | 300.000 | 300.000 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Đã sử dụng với mục đích thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | Tháng 12/2023 – Tháng 01/2024 |

6.5 Các vi phạm pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong 03 năm liên tiếp trước đợt chào bán trái phiếu

Không có.

6.6 Đánh giá về tình hình tài chính và khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của doanh nghiệp, khả năng trả nợ đối với trái phiếu dự kiến phát hành

- **Thanh toán các khoản nợ đến hạn của Tổ Chức Phát Hành:** Trong nhiều năm qua và đến trước thời điểm phát hành Trái Phiếu này, Tổ Chức Phát Hành luôn duy trì hình kinh doanh ổn định, đảm bảo các chỉ số tài chính nằm trong ngưỡng an toàn: hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh đều lớn hơn 1, hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản luôn nhỏ hơn 1,... Theo kế hoạch kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành, tiền thu được từ hoạt động kinh doanh, đầu tư và các hoạt động khác, sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp cho Nhà nước và chi phí hoạt động vẫn đủ để thanh toán cho các khoản nợ chuẩn bị đến hạn của Tổ Chức Phát Hành.
- **Thanh toán gốc/lãi trái phiếu dự kiến phát hành:**
 - Lãi Trái Phiếu được thanh toán định kỳ 06 (sáu) tháng một lần kể từ Ngày Phát Hành của Trái Phiếu. Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng nguồn tiền thu được từ hoạt động kinh doanh trực tiếp, lợi nhuận giữ lại, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, công ty con (nếu có) và các dòng tiền hợp pháp khác của Tổ Chức Phát Hành để thanh toán lãi Trái Phiếu cho nhà đầu tư.
 - Gốc Trái Phiếu được thanh toán 01 (một) lần vào Ngày Đáo Hạn của Trái Phiếu hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn Trái Phiếu dù là tự nguyện hoặc mua lại bắt buộc. Tùy tình hình thị trường thực tế, Tổ Chức Phát Hành dự kiến sẽ sử dụng nguồn tiền thu được từ hoạt động kinh doanh trực tiếp, lợi nhuận giữ lại, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, công ty con (nếu có) và các dòng tiền hợp pháp khác của Tổ Chức Phát Hành để thanh toán gốc Trái Phiếu tại thời điểm đáo hạn hoặc thời điểm Trái Phiếu được mua lại trước hạn.

Theo kế hoạch kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành, tiền thu được từ hoạt động kinh doanh, đầu tư và các hoạt động khác, sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp cho nhà nước và chi phí hoạt động, vẫn đủ để thanh toán gốc, lãi Trái Phiếu và các khoản nợ khác khi đến hạn.

6.7 Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính hợp nhất

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”

III. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU

1. Căn cứ pháp lý của đợt phát hành

a) Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

c) Nghị định số 153/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

d) Thông tư 122/2020/TT- BTC của Bộ Tài Chính ngày 31 tháng 12 năm 2020 về hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

e) Nghị định 65/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16 tháng 09 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

f) Nghị định 08/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 05 tháng 03 năm 2023 sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

g) Điều lệ của Công ty Cổ Phần Hàng không Vietjet.

h) Nghị quyết số 42-23/VJC-HĐQT-NQ ngày 30/10/2023 của HĐQT Thông qua Phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ và Nghị quyết số 46-23/VJC-HĐQT-NQ ngày 02/11/2023 của HĐQT thông qua điều chỉnh thông tin lãi suất.

i) Các quy định hiện hành khác của pháp luật liên quan.

2. Việc đáp ứng các điều kiện phát hành trái phiếu của doanh nghiệp

Theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, các điều kiện như sau:

| STT | Điều kiện phát hành | Khả năng đáp ứng | Tài liệu chứng minh |
|-----|--|------------------|--|
| 1 | Doanh nghiệp phát hành là công ty cổ phần, công ty TNHH được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam. | Đáp ứng | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102325399 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23/7/2007, thay đổi gần nhất ngày 19/04/2023 |

| STT | Điều kiện phát hành | Khả năng đáp ứng | Tài liệu chứng minh |
|-----|---|------------------|---|
| 2 | Thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tiếp trước đợt phát hành trái phiếu (nếu có) | Đáp ứng | Báo cáo tài chính kiểm toán (riêng và hợp nhất) năm 2020, 2021, 2022 của Công ty Văn bản cam kết thực hiện thanh toán đủ cả gốc, lãi trái phiếu đã phát hành và thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đợt phát hành Trái phiếu của Công ty |
| 3 | Đáp ứng các tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành. | Đáp ứng | Công ty được cấp Giấy đăng ký kinh doanh theo Luật doanh nghiệp và Công ty không phải áp dụng các tỷ lệ an toàn tài chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành |
| 4 | Có phương án phát hành trái phiếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt và chấp thuận theo quy định tại Điều 13 Nghị định 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020. | Đáp ứng | Hội đồng quản trị thông qua Phương án phát hành Trái phiếu riêng lẻ |
| 5 | Có báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện theo quy định. | Đáp ứng | Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam) |
| 6 | Đối tượng tham gia đợt chào bán theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020. | Đáp ứng | Trái phiếu được chào bán cho đối tượng mua trái phiếu là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật chứng khoán |
| 7 | Thời gian hoàn thành đợt phát hành/ thời gian phân phối trái phiếu: Doanh nghiệp phải hoàn thành việc phân phối trái phiếu trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu. | Đáp ứng | Tổ Chức Phát Hành cam kết: Thời gian phân phối Trái Phiếu không vượt quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày công bố thông tin về Đợt Phát Hành Trái Phiếu |

3. Mục đích của đợt phát hành trái phiếu

- Bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành

Chi tiết sử dụng vốn như sau:

| Mã trái phiếu | Nội dung | Số tiền thu được từ Trái phiếu được sử dụng | Thời điểm sử dụng |
|---------------|--|---|----------------------------|
| VJCH2328031 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | 300 tỷ đồng | Từ tháng 12/2023 – 01/2024 |

4. Điều kiện, điều khoản của trái phiếu, cụ thể:

- Mã trái phiếu: VJCH2328031
- Khối lượng trái phiếu dự kiến phát hành: 3.000 (Ba nghìn) Trái phiếu.
- Mệnh giá: 100.000.000 VNĐ (Một trăm triệu đồng) một Trái phiếu.
- Kỳ Hạn Trái Phiếu: 60 (Sáu mươi) tháng.
- Đồng tiền phát hành và thanh toán: VNĐ.
- Hình thức trái phiếu: Bút toán ghi sổ.
- Lãi suất danh nghĩa dự kiến: Lãi suất cố định 10,5%/năm trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.
- Loại hình trái phiếu: Trái phiếu doanh nghiệp thông thường, không chuyển đổi và không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm (“Trái phiếu”).
- Phương thức thanh toán gốc, lãi trái phiếu:
 - Thanh toán gốc: tiền gốc được thanh toán một lần vào thời điểm đáo hạn.
 - Thanh toán lãi: thanh toán sau, định kỳ 06 (sáu) tháng một lần vào Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đáo Hạn hoặc ngày đến hạn khác để thực hiện mua lại.

5. Ngày phát hành dự kiến: ngày ?? tháng 12 năm 2023.

6. Phương thức phát hành

Trái phiếu được phát hành riêng lẻ thông qua phương thức Đại lý Phát hành theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020, được sửa đổi bởi Khoản 11 Điều 1 Nghị định 65/2022/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 16/09/2022 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ ra thị trường quốc tế.

7. Quyền lợi của nhà đầu tư trái phiếu

- Được doanh nghiệp phát hành công bố thông tin đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/9/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 153/2020/NĐ-CP, Nghị định 08/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 05 tháng 03 năm 2023; được quyền tiếp cận hồ sơ chào bán trái phiếu khi có yêu cầu.

b) Được doanh nghiệp phát hành thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi, gốc trái phiếu khi đến hạn, thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) theo điều kiện, điều khoản của trái phiếu và các thỏa thuận với doanh nghiệp phát hành.

c) Được dùng trái phiếu để chuyển nhượng, cho, tặng, thừa kế, chiết khấu; được sử dụng trái phiếu làm tài sản bảo đảm trong các quan hệ dân sự và quan hệ thương mại theo quy định của pháp luật.

d) Được yêu cầu doanh nghiệp phát hành mua lại trái phiếu trước hạn theo quy định tại Khoản 3 Điều 7 Nghị định 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020, được sửa đổi bởi Khoản 5 Điều 1 Nghị định 65/2022/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 16/09/2022 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ ra thị trường quốc tế.

e) Các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

8. Trách nhiệm của nhà đầu tư mua Trái phiếu

a) Tiếp cận đầy đủ nội dung công bố thông tin của Tổ Chức Phát Hành; hiểu rõ Các Điều Kiện Trái Phiếu và các cam kết khác của Tổ Chức Phát Hành trước khi quyết định mua và giao dịch Trái Phiếu

b) Hiểu rõ về các rủi ro phát sinh trong việc đầu tư, giao dịch trái phiếu; hiểu rõ và đảm bảo tuân thủ quy định về đối tượng nhà đầu tư, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP, Nghị định 65/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 153/2020/NĐ-CP và quy định pháp luật liên quan;

c) Tự đánh giá, tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình và tự chịu các rủi ro phát sinh trong việc đầu tư và giao dịch Trái Phiếu;

d) Trước khi mua Trái Phiếu, nhà đầu tư phải ký văn bản xác nhận đã thực hiện các quy định tại Nghị Định 65/2022/NĐ-CP và tự chịu trách nhiệm đối với quyết định mua Trái Phiếu của mình sau khi ký văn bản xác nhận này.

e) Đối tượng mua Trái Phiếu là các tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật chứng khoán Việt Nam.

f) Thực hiện giao dịch Trái Phiếu theo quy định tại Điều 16 Nghị định 65/2022/NĐ-CP; không được bán hoặc cùng góp vốn đầu tư Trái Phiếu với nhà đầu tư không phải là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp dưới mọi hình thức.

g) Khi bán Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp phải cung cấp đầy đủ nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành theo quy định tại Nghị định 65/2022/NĐ-CP cho nhà đầu tư mua Trái Phiếu.

9. Phương thức thực hiện quyền

Không có

10. Cam kết về bảo đảm

Không có

11. Điều kiện, điều khoản về việc mua lại Trái phiếu trước hạn

a) Vào thời điểm sau 12 (mười hai) tháng từ Ngày Phát Hành, Tổ Chức Phát Hành có quyền mua lại trước hạn một phần hoặc toàn bộ Trái Phiếu đã phát hành.



b) Tổ Chức Phát Hành phải thông báo trước cho Người Sở Hữu Trái Phiếu ít nhất 01 (Một) tháng về việc mua lại Trái Phiếu trước hạn.

c) Các trường hợp bắt buộc mua lại trái phiếu trước hạn theo yêu cầu của nhà đầu tư:

- Tổ chức phát hành vi phạm pháp luật về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp theo quyết định của cấp có thẩm quyền mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc biện pháp khắc phục không được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận.

- Tổ chức phát hành vi phạm phương án phát hành trái phiếu mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc biện pháp khắc phục không được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận.

12. Cam kết của doanh nghiệp phát hành trái phiếu

Bảo đảm cho nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan đến hoặc phát sinh từ quyền sở hữu Trái phiếu một cách thuận lợi và nhanh chóng.

Bảo đảm rằng những thông tin trong hồ sơ là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là thông tin giả hoặc thiếu có thể làm cho nhà đầu tư mua trái phiếu chịu thiệt hại.

13. Cam kết công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành

Tổ Chức Phát Hành cam kết thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời cho nhà đầu tư; các thông tin công bố rõ ràng theo quy định của Nghị định 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020, Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/9/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 153/2020/NĐ-CP, Nghị định 08/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 05 tháng 03 năm 2023 và hướng dẫn của Bộ Tài chính về công bố thông tin.

Tổ Chức Phát Hành chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin đã công bố.

14. Điều khoản về đăng ký, lưu ký trái phiếu

Trái phiếu sẽ được đăng ký và lưu ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về kết quả chào bán.

Trước khi thực hiện đăng ký và lưu ký trái phiếu như nêu trên, trái phiếu sẽ được đăng ký, lưu ký tại Đại lý lưu ký và Đại lý quản lý chuyên nhượng Trái phiếu.

15. Điều khoản về giao dịch trái phiếu

Trái phiếu chào bán chỉ được giao dịch giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, trừ trường hợp thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.

Trái phiếu sẽ được đăng ký giao dịch trái phiếu trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký trái phiếu của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Trước khi thực hiện việc đăng ký giao dịch trái phiếu như nêu trên, trái phiếu sẽ được giao dịch tại Đại lý lưu ký và Đại lý quản lý chuyên nhượng Trái phiếu.

16. Quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành

Tổ Chức Phát Hành có quyền lợi và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật hiện hành.

- a) Yêu cầu người sở hữu Trái phiếu thanh toán đầy đủ tiền mua Trái phiếu theo các hợp đồng đặt mua/ Hợp Đồng Mua Bán Trái Phiếu.
- b) Tuân thủ quy định của pháp luật về việc chào bán trái phiếu.
- c) Quản lý, sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu theo đúng phương án phát hành trái phiếu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo quy định của pháp luật.
- d) Thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi, gốc trái phiếu khi đến hạn cho chủ sở hữu trái phiếu theo điều kiện, điều khoản của trái phiếu.
- e) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ chào bán trái phiếu và các thông tin công bố; thực hiện chế độ quản lý tài chính, kế toán thống kê và kiểm toán theo quy định của pháp luật.

17. Trách nhiệm và nghĩa vụ của từng tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ liên quan đến việc phát hành trái phiếu

Các tổ chức, cá nhân cung cấp các dịch vụ liên quan đến Trái Phiếu có trách nhiệm và nghĩa vụ được quy định cụ thể theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- a) Tổ chức tư vấn: Tư vấn cho Tổ chức phát hành trình tự thủ tục và hồ sơ phát hành Trái phiếu theo đúng quy định hiện hành.
- b) Đại lý đăng ký lưu ký và quản lý chuyển nhượng: Lập, duy trì, theo dõi, cập nhật sổ đăng ký người ở hữu Trái phiếu, thực hiện các thủ tục chuyển nhượng và quản lý chuyển nhượng cho nhà đầu tư theo đúng quy định:
- c) Đại lý thanh toán gốc lãi Trái phiếu: thay mặt tổ chức phát hành thanh toán tiền lãi Trái phiếu định kỳ và thanh toán tiền gốc Trái phiếu tại ngày đáo hạn cho các Trái chủ.
- d) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu: thay mặt Người Sở Hữu Trái Phiếu giám sát việc thực hiện các cam kết của doanh nghiệp phát hành.
- e) Đại lý phát hành: tổ chức giới thiệu về Đợt Phát Hành, phân phối Bản Công Bố Thông Tin và các tài liệu khác liên quan cho các nhà đầu tư tiềm năng để chào bán Trái Phiếu, thực hiện chào bán, thu xếp đặt mua Trái Phiếu với các nhà đầu tư tiềm năng, hỗ trợ Tổ Chức Phát Hành xác định Nhà Đầu Tư mua Trái Phiếu phải là Nhà Đầu Tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật chứng khoán và các công việc khác có liên quan được quy định cụ thể tại Hợp Đồng Đại Lý Phát Hành Trái Phiếu

18. Nhà đầu tư mua trái phiếu thừa nhận và cam kết rằng nhà đầu tư đã tự đánh giá mức độ rủi ro trong việc đầu tư trái phiếu, về giao dịch của trái phiếu được đầu tư, tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư và tự chịu các rủi ro phát sinh trong việc đầu tư giao dịch trái phiếu của mình; đồng thời bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan khi thực hiện đầu tư vào trái phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn các quy định về đối tượng được đầu tư trái phiếu và các hạn chế khi đầu tư vào trái phiếu và của trái phiếu được đầu tư.

19. Kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu năm 2023

- Kết quả xếp hạng tín nhiệm (lần đầu): vnBBB-
- Triển vọng: ổn định

- Thời điểm phát hành chứng thư kết quả xếp hạng: 17/11/2023
- Chi tiết kết quả xếp hạng tín nhiệm được đăng tải tại đường link dưới đây:

<https://saigonratings.com/ket-qua-giam-sat-xep-hang-tin-nhiem-lan-1-vietjet-2023/>

20. Các điều khoản và điều kiện khác

Sẽ được quy định cụ thể trong các điều khoản và điều kiện cụ thể của các tài liệu có liên quan đến Trái Phiếu; các hợp đồng, thỏa thuận được ký kết nhằm Mục Đích Phát Hành Trái Phiếu.

Phần III – “Thông tin về đợt phát hành trái phiếu” này chỉ trình bày tóm tắt (mà không phải toàn bộ) các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu được phát hành theo Bản Công Bố Thông Tin này. Các điều khoản và điều kiện đầy đủ của Trái Phiếu được quy định trong Phương Án Phát Hành đã được Hội đồng quản trị của Tổ Chức Phát Hành phê duyệt và phụ lục Bảng CBTT này.

IV. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH VÀ KẾ HOẠCH THANH TOÁN GỐC LÃI CHO NHÀ ĐẦU TƯ

1. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu

Tổ chức phát hành sẽ sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành Trái phiếu để:

- Bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành.

Chi tiết sử dụng vốn như sau:

| Mã trái phiếu | Nội dung | Số tiền thu được từ Trái phiếu được sử dụng | Thời điểm sử dụng |
|---------------|--|---|----------------------------|
| VJCH2328031 | Thực hiện chương trình chi trả các chi phí hoạt động về xăng dầu, chi phí cảng, điều hành bay, kỹ thuật, bảo hiểm, thanh toán đặt cọc tàu bay (PDP) và các chi phí khác. | 300 tỷ đồng | Từ tháng 12/2023 – 01/2024 |

- Tổng Giám đốc Công ty quyết định mức phân bổ số tiền thu được từ việc vào bán các Trái phiếu cho mỗi mục đích trên sẽ được thực hiện linh hoạt và phù hợp với quy định của pháp luật, quy chế nội bộ của Tổ chức phát hành.

2. Phương thức, kế hoạch, dự kiến dòng tiền thanh toán gốc cho nhà đầu tư

a) Tổ Chức Phát Hành sẽ sử dụng nguồn tiền thu được từ hoạt động kinh doanh trực tiếp, lợi nhuận giữ lại, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, công ty con (nếu có) và các dòng tiền hợp pháp khác của Tổ Chức Phát Hành để thanh toán tiền gốc và lãi Trái phiếu.

b) Tiền lãi Trái Phiếu được trả/thanh toán sau, định kỳ 06 (sáu) tháng một lần vào Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đáo Hạn hoặc ngày đến hạn khác để thực hiện mua lại. Trường hợp Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Gốc Trái Phiếu là ngày nghỉ thì Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Gốc Trái Phiếu sẽ là ngày làm việc tiếp theo của ngày đó.

c) Gốc của Trái phiếu được thanh toán một lần duy nhất vào ngày đáo hạn (Trừ trường hợp Trái phiếu được mua lại bắt buộc hoặc mua lại trước hạn phù hợp với các điều khoản và điều kiện tương ứng của Trái phiếu).

V. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN

a). Tổ chức tư vấn phát hành : Công ty cổ phần Chứng khoán HD (HDS)

❖ Công ty cổ phần chứng khoán HD (HDS)



❖ Địa chỉ trụ sở: Lầu 3B và 9, Số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

❖ Điện thoại: (84-38) 62 836 888 Fax; (84-38) 62 838 666

❖ Website: www.hdbs.vn Email: info@hdbs.vn

b) Đại lý phát hành : Công ty cổ phần Chứng khoán HD (HDS)

❖ Công ty cổ phần chứng khoán HD



❖ Địa chỉ trụ sở: Lầu 3B và 9, Số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

❖ Điện thoại: (84-38) 62 836 888 Fax; (84-38) 62 838 666

❖ Website: www.hdbs.vn Email: info@hdbs.vn

c) Đại lý lưu ký và Đại lý quản lý chuyên nhượng Trái phiếu : Công ty cổ phần Chứng khoán HD (HDS)

❖ Công ty cổ phần chứng khoán HD



❖ Địa chỉ trụ sở: Lầu 3B và 9, Số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

❖ Điện thoại: (84-38) 62 836 888 Fax; (84-38) 62 838 666

❖ Website: www.hdbs.vn Email: info@hdbs.vn

d) Đại lý thanh toán gốc, lãi Trái phiếu: Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (HDS)

❖ Công ty cổ phần chứng khoán HD

❖ Địa chỉ trụ sở: Lầu 3B và 9, Số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

❖ Điện thoại: (84-38) 62 836 888 Fax; (84-38) 62 838 666

❖ Website: www.hdbs.vn Email: info@hdbs.vn

đ) Tổ chức kiểm toán: Chi nhánh Công ty TNHH KPMG (Việt Nam)

❖ **Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam)**



❖ Địa chỉ: Tầng 16, Tòa tháp Keangnam, lô E6, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

❖ Điện thoại: +(84-24) 3946 2246 Fax:

❖ Website: <https://www.pwc.com/vn> Email:

VI. CÁC RỦI RO CÓ THỂ XẢY RA LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Tổ chức phát hành xin lưu ý các nhà đầu tư về các nhân tố rủi ro có thể ảnh hưởng đến Tổ chức phát hành và đợt phát hành Trái phiếu như: rủi ro về kinh tế; rủi ro về pháp luật; rủi ro đặc thù trong hoạt động sản xuất kinh doanh; rủi ro về tình hình tài chính và rủi ro khác.

1. Rủi ro về kinh tế

Sự biến động của các yếu tố kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Nhà nước thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Tổ chức phát hành nói riêng.

➤ Tăng trưởng kinh tế

Năm 2020-2021 đánh dấu giai đoạn có nhiều khó khăn thách thức với nền kinh tế thế giới khi mà sự bùng nổ của dịch bệnh Covid-19 lây lan trên phạm vi toàn cầu. Mặc dù có những khó khăn tuy nhiên với sự kịp thời và hiệu quả trong chỉ đạo và điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự nỗ lực của các cấp các ngành địa phương trong thực hiện phòng chống dịch, năm 2020-2021 đánh dấu giai đoạn tăng trưởng kinh tế ấn tượng của Việt Nam trong khu vực và toàn thế giới khi mà Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2020 và 2021 đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng lần lượt là 2,91% và 2,58%, là mức tăng trưởng tích cực nhất trong bối cảnh nhiều quốc gia suy thoái kinh tế bởi ảnh hưởng của dịch bệnh.

Năm 2022, kinh tế Việt Nam vẫn còn phải đương đầu với những khó khăn, thách thức do nền kinh tế thế giới chưa ổn định. Hoạt động đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ gặp rất nhiều khó khăn do thiếu vốn, sức mua trong nước giảm,... nhiều ngành, lĩnh vực gặp khó khăn trong sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm.

Để hạn chế các rủi ro về kinh tế, Công ty luôn chú trọng xem xét và dự báo khả năng tăng trưởng của nền kinh tế từ đó giúp cho việc xây dựng các kế hoạch kinh doanh của công ty tốt hơn, đồng thời chuẩn bị trước các tình huống bất lợi có thể xảy ra ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

➤ Lạm phát

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2022 giảm 0,01% so với tháng trước, tăng 4,55% so với tháng 12/2021. CPI bình quân quý IV/2022 tăng 4,41% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung cả năm 2022, CPI tăng 3,15% so với năm 2021, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2022 tăng 2,59% so với năm 2021, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 3,15%), điều này phản ánh biến động giá tiêu dùng chủ yếu do giá lương thực, xăng, dầu và gas tăng.

Đến năm 2023, bức tranh lạm phát có nhiều nét đáng quan tâm vì giá hàng hóa và dịch vụ năm 2023 chịu áp lực từ nhiều yếu tố: áp lực lạm phát cầu kéo do thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội làm cho tổng cầu tăng đột biến, trong khi đứt gãy chuỗi cung ứng chưa được khắc phục; áp lực lạm phát chi phí đẩy trong bối cảnh USD tăng giá làm tăng chi phí nhập khẩu nguyên, nhiên vật liệu, bên cạnh đó, khi USD tăng giá do FED tăng lãi suất sẽ gây nên áp lực tăng tỷ giá hối đoái giữa VNĐ và USD. Ngoài ra, thiên tai, dịch bệnh có thể gây tăng giá lương thực, thực phẩm tại một số địa phương bị ảnh hưởng, tác động làm gia tăng lạm phát.

Đặc biệt, xăng dầu và điện là hai mặt hàng năng lượng chiến lược, quan trọng trong sản xuất và tiêu dùng, nhu cầu sử dụng hai mặt hàng này sẽ tăng trong năm 2023 khi tổng cầu tăng.

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải hàng không như Công ty, trường hợp lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua sự gia tăng giá của các chi phí đầu vào. Ban Lãnh đạo Công ty thường xuyên thực hiện việc: (1) đánh giá các chi phí phát sinh thực tế; (2) lập kế hoạch chi phí phù hợp cho từng giai đoạn; (3) điều chỉnh giá bán sản phẩm phù hợp với tình hình thực tế nhằm duy trì biên lợi nhuận ở mức hiệu quả và giảm thiểu rủi ro của việc gia tăng lạm phát gây ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

➤ **Lãi suất**

Nhu cầu về vốn của Công ty cho hoạt động kinh doanh là tương đối lớn, do vậy nguồn vốn tín dụng có vai trò rất quan trọng.

Mức rủi ro về lãi suất là khác nhau giữa các ngành và phụ thuộc vào cơ cấu nợ vay của mỗi doanh nghiệp. Xác định lãi suất là một trong những chỉ số tài chính quan trọng, có thể ảnh hưởng lớn đến chi phí sử dụng vốn, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty nên Ban Tổng Giám đốc của Công ty luôn theo dõi, cập nhật tình hình lãi suất hằng ngày và luôn thận trọng, cân nhắc kỹ lưỡng trước khi ra quyết định sử dụng các khoản vay từ (các) ngân hàng.

2. Rủi ro về luật pháp

Những thay đổi chính sách quản lý cũng như việc diễn giải về mặt pháp lý đối với pháp luật áp dụng có thể gây ra ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh. Tổ chức phát hành hoạt động kinh doanh và chịu sự điều chỉnh của nhiều các Bộ Luật khác nhau và các Bộ Luật và văn bản hướng dẫn thi hành luôn luôn được cập nhật cải tiến, có điều chỉnh hay bổ sung, do vậy hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành luôn phải đối mặt với những rủi ro tiềm tàng nếu thiếu sự đồng bộ, nhất quán giữa các Luật và văn bản hướng dẫn.

3. Rủi ro đặc thù trong hoạt động sản xuất kinh doanh

Thực tế cho thấy, các lĩnh vực kinh doanh hiện nay đều có tính cạnh tranh rất cao giữa các doanh nghiệp. Do đó để phát triển ổn định, Tổ chức phát hành xác định cạnh tranh cũng tạo động lực và cơ hội phát triển, từ đó có chiến lược phát triển kinh doanh đổi mới, sáng tạo, áp dụng công nghệ hiện đại trong quản lý kinh doanh để giảm chi phí hoạt động và đầu tư phát triển kinh doanh ngày càng có hiệu quả.

4. Rủi ro về tình hình tài chính

Là rủi ro liên quan đến việc thanh toán gốc và lãi Trái phiếu. Hiện tại theo Báo cáo tài chính năm 2022 và năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán PwC thì các chỉ số tài chính của Tổ chức phát hành ở mức tốt.

5. Rủi ro khác

Hoạt động của Tổ chức phát hành cũng chịu ảnh hưởng bởi các rủi ro bất khả kháng như thay đổi khí hậu, thiên tai, hỏa hoạn, trộm cắp, phá sản của các đối tác, là những sự kiện ít gặp trong thực tế, ngoài tầm kiểm soát, phòng ngừa, dự kiến của Tổ chức phát hành. Các rủi ro này, nếu xảy ra, chắc chắn sẽ gây thiệt hại về tài sản, con người và tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành.

Mặc dù tình hình dịch bệnh Covid-19 tại Việt Nam đã cơ bản được kiểm soát nhưng do chưa có thuốc đặc trị cho bệnh này, vì vậy, không thể chắc chắn về việc hoạt động liên tục của các công ty tại Việt Nam. Rủi ro này ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập của các khách hàng của Tổ chức phát hành và có thể dẫn đến ảnh hưởng đến thu nhập và khả năng trả nợ của Tổ chức phát hành.

Các yếu tố rủi ro nêu trên không phải là bảng liệt kê hay giải thích đầy đủ về các rủi ro liên quan đến Trái phiếu. Do đó, Nhà đầu tư nên xem xét cẩn trọng các nhân tố rủi ro và không chắc chắn mà Tổ chức phát hành hiện không biết đến, hoặc cho là không quan trọng, cũng có thể ảnh hưởng bất lợi đến việc đầu tư vào Trái phiếu.

PHẦN III. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I:

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- Bản sao Quyết định bổ nhiệm người đại diện theo pháp luật
- Bản sao Quyết định bổ nhiệm Kế toán trưởng

2. Phụ lục II: Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty.

3. Phụ lục III: Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2020; báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2021; báo cáo tài chính được kiểm toán 2022.

4. Phụ lục IV: Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 42-23/VJC-HĐQT-NQ ngày 30 tháng 10 năm 2023 thông qua Phương án phát hành Trái phiếu riêng lẻ (*bao gồm Phương Án Phát Hành Trái phiếu đính kèm Nghị quyết*) và Nghị quyết số 46-23/VJC-HĐQT-NQ ngày 02/11/2023 của HĐQT thông qua điều chỉnh thông tin lãi suất.

5. Phụ lục V: Điều khoản điều kiện trái phiếu chi tiết

6. Phụ lục VI: Hợp đồng tư vấn phát hành, Hợp đồng đại lý phát hành, Hợp đồng Đại lý lưu ký và quản lý chuyển nhượng trái phiếu, Hợp đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.

7. Phụ lục VII: Cam kết của Tổ Chức Phát Hành về việc thanh toán đầy đủ gốc lãi Trái phiếu trong vòng 03 năm liền kể trước đợt chào bán.

Hà Nội, Ngày 26 tháng 12, năm 2023

**TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG VIETJET
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



HỒ NGỌC YÊN PHƯƠNG

**TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HD
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hà Quỳnh

